

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**



**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: THANH TOÁN ĐIỆN TỬ**

**NGÀNH: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 404 /QĐ- CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch)*

**Lưu hành nội bộ**

**Thái Nguyên, năm 2022**

## LỜI NÓI ĐẦU

Kế toán là môn học chuyên môn chính trong ngành đào tạo kế toán trình độ trung cấp và cao đẳng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch. Đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của học sinh và sinh viên, bộ môn Kế toán thuộc Khoa Kế toán – Tài chính biên soạn Giáo trình Thanh toán điện tử sử dụng trong nội bộ nhà trường. Giáo trình Kế toán nghiệp vụ này được sử dụng làm tài liệu chính thức cho đào tạo chuyên ngành kế toán và tài liệu tham khảo cho sinh viên các chuyên ngành khác cũng như các đối tượng có quan tâm đến lĩnh vực Thanh toán điện tử.

Giáo trình Thanh toán điện tử bao gồm 3 chương phản ánh nội dung cơ bản của thanh toán điện tử, phản ánh xu thế phát triển tất yếu của thanh toán điện tử trong cuộc sống và phát triển của các doanh nghiệp. Các chương cụ thể như sau:

Chương 1: Tỷ giá hối đoái

Chương 2: Thanh toán trong thương mại truyền thống

Chương 3: Các hệ thống thanh toán điện tử cơ bản

Giáo trình được biên soạn trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi theo hướng hội nhập, hành lang pháp lý về kế toán và kiểm toán, các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán, chế độ kế toán đang được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cũng như công nghệ 4.0 ngày càng phát triển. Hơn nữa, trình độ của các tác giả có hạn nên giáo trình chắc chắn sẽ không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các bạn đọc, các nhà khoa học những người quan tâm để giáo trình được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Mọi ý kiến góp ý xin gửi về: Bộ môn Kế toán, Khoa Kế toán – Tài chính, Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch. Email: ketoancdtml@gmail.com.

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	2
<b>CHƯƠNG 1: TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI.....</b>	<b>10</b>
1. Khái niệm tỷ giá hối đoái.....	12
2. Phương pháp yết tỷ giá.....	13
2.1. Khái niệm phương pháp yết tỷ giá .....	13
2.2. Các phương pháp yết tỷ giá.....	14
3. Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo.....	14
3.1. Xác định tỷ giá hối đoái của hai tiền tệ yết giá gián tiếp.....	14
3.2. Xác định tỷ giá hối đoái của hai tiền tệ yết giá trực tiếp.....	15
3.3. Xác định tỷ giá hối đoái của hai tiền tệ yết giá khác nhau.....	15
4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá.....	16
2.4.1. Mức chênh lệch về lạm phát giữa hai quốc gia .....	16
2.4.2. Cung cầu về ngoại hối trên thị trường .....	17
2.4.3. Mức chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia.....	17
<b>BÀI TẬP CHƯƠNG 2 .....</b>	<b>18</b>
<b>CHƯƠNG 2: THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI TRUYỀN THỐNG .....</b>	<b>20</b>
<b>1. Các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng.....</b>	<b>22</b>
1.1. Hối phiếu (Bill of Exchange hoặc Draft).....	22
1.2 Séc (Check).....	31
1.3. Kỳ phiếu.....	36
<b>2. Điều kiện thời gian thanh toán.....</b>	<b>39</b>
2.1. Thời gian trả tiền trước .....	39
2.2. Thời gian trả tiền ngay .....	39
2.3. Thời gian trả tiền sau.....	39
<b>3. Điều kiện về phương thức thanh toán .....</b>	<b>39</b>
3.1. Phương thức chuyển tiền .....	39
3.2. Phương thức ghi sổ .....	39
3.3. Phương thức nhờ thu.....	40
3.4. Phương thức tín dụng chứng từ .....	41
<b>CHƯƠNG 3: CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ CƠ BẢN</b>	<b>42</b>
<b>1. Hệ thống thanh toán thẻ tín dụng.....</b>	<b>44</b>
1.1. Quy trình phát hành thẻ.....	44
1.2. Quy trình thanh toán thẻ .....	44

1.3. Các bên tham gia thanh toán thẻ.....	46
<b>2. Chuyển tiền điện tử và thẻ ghi nợ trên Internet.....</b>	<b>47</b>
2.1. Chuyển tiền điện tử.....	47
2.2. Thẻ ghi nợ.....	48
<b>2.3. Ví tiền số hóa.....</b>	<b>48</b>
<b>4. Tiền mặt số hóa.....</b>	<b>50</b>
4.1. Các đặc điểm của tiền mặt số hóa (tiền điện tử).....	50
4.2. Hệ thống hoạt động của tiền mặt số hóa.....	50
<b>5. Thẻ thông minh.....</b>	<b>51</b>
5.1. Khái niệm.....	51
5.2. Các loại thẻ thông minh.....	51
5.3. Thuận lợi và rủi ro khi sử dụng thẻ thông minh.....	52
<b>6. Các hệ thống thanh toán séc điện tử.....</b>	<b>53</b>
<b>7. Các hệ thống xuất trình và thanh toán hối phiếu điện tử.....</b>	<b>53</b>
<b>PHẦN PHỤ LỤC.....</b>	<b>55</b>
<b><i>PHỤ LỤC 1: KÝ HIỆU MỘT SỐ ĐỒNG TIỀN CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.....</i></b>	<b><i>55</i></b>

## GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**1. Tên môn học: THANH TOÁN ĐIỆN TỬ**

**2. Mã môn học: MH18**

**3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

**3.1. Vị trí:** Giáo trình dành cho người học trình độ Trung cấp tại trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch.

**3.2. Tính chất:** Giáo trình cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho người học liên quan đến các hình thức thanh toán điện tử hiện nay, gồm có: tỷ giá hối đoái, thanh toán trong thương mại truyền thống, các giao dịch và hệ thống thanh toán điện tử hiện nay. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ: (1) có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; (2) dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế thuộc lĩnh vực thanh toán điện tử.

**3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:** Thanh toán điện tử là môn học khoa học mang tính lý thuyết và dành cho đối tượng là người học thuộc các chuyên ngành Thanh toán điện tử, kế toán tổng hợp, kiểm toán. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng thuộc lĩnh vực thanh toán điện tử: (1) Nhận biết được các thông tin thuộc lĩnh vực thanh toán điện tử; Giải thích được một số nội dung: tỷ giá hối đoái, các phương tiện, hình thức và hệ thống thanh toán điện tử. Qua đó, giáo trình mô tả đầy đủ thông tin thuộc lĩnh vực thanh toán điện tử.

**4. Mục tiêu của môn học:**

**4.1. Về kiến thức:**

Nhận diện và mô tả được thanh toán điện tử: Thanh toán trong thương mại truyền thống và thanh toán điện tử trong thương mại điện tử

**4.2. Về kỹ năng:**

Vận dụng kiến thức trong thanh toán truyền thống và thanh toán trong thương mại điện tử để áp dụng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

Sử dụng kiến thức đã được nghiên cứu làm cơ sở cho việc nhận thức và ứng dụng thanh toán điện tử vào hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.

**4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Tuân thủ các qui chế học tập, có ý thức học tập tích cực và chủ động trong quá trình học tập;

Có thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực thanh toán điện tử.

**5. Nội dung của môn học**

**5.1. Chương trình khung**

Mã MH	Tên môn học	Số tín	Thời gian học tập (giờ)	
			Tổng	Trong đó

		chỉ	số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>64</b>	<b>1590</b>	<b>511</b>	<b>1035</b>	<b>44</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>15</b>	<b>225</b>	<b>184</b>	<b>31</b>	<b>10</b>
MH07	Kinh tế vi mô	3	45	43	-	2
MH08	Thương mại điện tử căn bản	3	45	43	-	2
MH09	Pháp luật thương mại điện tử	2	30	28	-	2
MH10	Mạng máy tính	2	30	15	14	1
MH11	Marketing điện tử	2	30	28	-	2
MH12	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	45	27	17	1
<b>II.2</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>47</b>	<b>1335</b>	<b>298</b>	<b>1004</b>	<b>33</b>
MH13	Tiếng Anh thương mại	4	60	57	-	3
MH14	Nghiệp vụ kinh doanh TM dịch vụ	4	60	57	-	3
MH15	Quản trị tác nghiệp TMĐT	4	60	57	-	3
MH16	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong TMĐT	3	45	43	-	2
MH17	Khai báo hải quan điện tử	2	30	28	-	2
MH18	Thanh toán điện tử	2	30	28	-	2
MH19	An toàn hệ thống thông tin	2	30	28	-	2
MH20	Thực hành mạng và quản trị mạng	3	90	-	86	4
MH21	TH tác nghiệp TMĐT	3	90	-	86	4
MH22	TH vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong TMĐT	2	60	-	56	4
MH23	TH khai báo hải quan ĐT	2	60	-	56	4
MH24	Thực tập tốt nghiệp	16	720		720	
<b>II.3</b>	<b>Các môn học, mô đun tự chọn</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>2</b>
MH25	Kỹ năng giao tiếp, phục vụ khách hàng	2	30	28	-	2
MH26	Khởi sự kinh doanh	2	30	28	-	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>76</b>	<b>1845</b>	<b>605</b>	<b>1183</b>	<b>57</b>

## 5.2. Chương trình chi tiết môn học

Số	Tên chương mục	Thời gian (giờ)
----	----------------	-----------------

TT		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	<b>Chương 1: Tỷ giá hối đoái</b>	10	9		1
2	<b>Chương 2: Thanh toán trong thương mại truyền thống</b>	10	10		0
3	<b>Chương 3: Các hệ thống thanh toán điện tử cơ bản</b>	10	9		1
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>28</b>		<b>2</b>

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

**6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành:** Đáp ứng phòng học chuẩn

**6.2. Trang thiết bị dạy học:** Projector, máy vi tính, bảng, phấn

**6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:** Giáo trình, mô hình học tập,...

**6.4. Các điều kiện khác:** Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

## 7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### 7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### 7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTĐ, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch như sau

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

#### 7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp	Phương pháp	Hình thức	Thời điểm
-------------	-------------	-----------	-----------

<b>đánh giá</b>	<b>tổ chức</b>	<b>kiểm tra</b>	<b>kiểm tra</b>
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	Sau 9 giờ và sau 29 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học

**8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:** Đối tượng trung cấp Thương mại điện tử

### 8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

#### 8.2.1. Đối với người dạy

\* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

\* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

\* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

\* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

**8.2.2. Đối với người học:** Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng > 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

**9. Tài liệu tham khảo:**

- Thanh toán quốc tế trong ngoại thương, 2016, NXB Thống kê
- Electronic Payment System, Microsoft Press - 2015;
- Thương mại điện tử cho doanh nghiệp, 2016, NXB Khoa học và kỹ thuật

## CHƯƠNG 1: TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương 1 là chương giới thiệu tỷ giá hối đoái và các phương pháp yết tỷ giá cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái

### ❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

➤ **Về kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm tỷ giá hối đoái và các phương pháp yết tỷ giá;
- Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến biến động của tỷ giá hối đoái.

➤ **Về kỹ năng:**

- Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo
- Nhận diện được các nhân tố ảnh hưởng đến biến động tỷ giá hối đoái

➤ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

### PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

- **Nội dung:**
  - ✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
  - ✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
  - ✓ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:

- + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
- + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
- + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
- + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp:**
- ✓ *Điểm kiểm tra thường xuyên: Không có*
- ✓ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 bài kiểm tra*

## ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 1

Trong nền kinh tế hiện đại, tỷ giá hối đoái giữ một vai trò quan trọng trong hoạt động thanh toán ngoại thương. Chương này sẽ nghiên cứu một số nội dung về tỷ giá hối đoái như khái niệm tỷ giá hối đoái, cơ sở hình thành và các loại tỷ giá hối đoái, các nhân tố ảnh hưởng và biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái, cách yết giá và xác định tỷ giá hối đoái. Từ đó vận dụng trong các trường hợp đổi ngoại tệ phục vụ cho hoạt động thanh toán.

### 1. Khái niệm tỷ giá hối đoái

Việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán quốc tế đòi hỏi phải so sánh một đồng tiền nước này với đồng tiền của nước khác. Khi việc trao đổi mua bán vượt ra khỏi phạm vi một quốc gia phải thỏa thuận dùng đồng tiền nước nào để tính và thanh toán hợp đồng. Việc thanh toán này có thể sử dụng một trong hai đồng tiền của hai nước nhưng cũng có thể sử dụng một đồng tiền thứ ba nào đó, từ đó xuất hiện đòi hỏi phải xem xét, tính toán một đồng tiền nội tệ được bao nhiêu đồng ngoại tệ hoặc ngược lại một đồng ngoại tệ được bao nhiêu nội tệ, tức là phải bằng cách nào đó chuyển đổi một đơn vị tiền tệ của nước này thành đơn vị tiền tệ của nước khác. Muốn thực hiện được điều đó, cần phải dựa vào một mức qui đổi xác định. Nói cách khác đó chính là phải dựa vào tỷ giá hối đoái. Vậy tỷ giá hối đoái là gì?

Có nhiều khái niệm về tỷ giá hối đoái mà chúng ta có thể trích dẫn định nghĩa của một số tác giả sau đây.

Theo Samuelson - nhà kinh tế học người Mỹ cho rằng: *Tỷ giá hối đoái là tỷ giá để đổi tiền của một nước lấy tiền của một nước khác.* (Trần Thị Xuân Hương. 2006)

Theo Đinh Xuân Trình, Đặng Thị Nhàn (2011) cho rằng: *Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ này thể hiện bằng một số đơn vị tiền tệ nước kia.*

Theo pháp lệnh quản lý ngoại hối của Việt Nam (2005) thì: *"Tỷ giá hối đoái là giá của một đơn vị tiền tệ nước ngoài tính bằng đơn vị tiền tệ Việt Nam"*.

Ví dụ: Một người nhập khẩu ở Việt Nam phải bỏ ra 2.205.000.000VND để mua 100.000USD trả tiền hàng nhập khẩu từ Mỹ. Như vậy giá 1 USD là 22.050VND, đây là tỷ giá hối đoái giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam.

Chúng ta còn thấy tỷ giá hối đoái được hiểu là *quan hệ so sánh giữa hai đồng tiền của hai nước khác nhau.*

Trong chế độ bản vị vàng, tiền tệ trong lưu thông là tiền đúc bằng vàng và giấy bạc ngân hàng được đổi tự do ra vàng căn cứ vào hàm lượng vàng của nó. Tỷ giá hối đoái lúc này là quan hệ so sánh hai đồng tiền vàng của hai nước với nhau hoặc là so sánh hàm lượng vàng của hai đồng tiền hai nước với nhau. Cách so sánh này gọi là ngang giá vàng (Gold parity). Như vậy trong chế độ bản vị vàng, ngang giá vàng là cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái.

Ví dụ: Hàm lượng vàng của bảng Anh là 2,488281 gam, của đô la Mỹ là 0,888671 gam, do đó quan hệ so sánh giữa GBP và USD là:

$$1 \text{ GBP} = 2,488281/0,888671 = 2,8\text{USD}$$

Trong chế độ lưu thông tiền giấy, giấy bạc ngân hàng không được đổi tự do ra vàng theo hàm lượng của nó, do đó ngang giá vàng không còn là cơ sở để hình thành tỷ giá hối đoái. Lúc này việc so sánh hai đồng tiền với nhau được thực hiện bằng cách so sánh sức mua của hai tiền tệ với nhau, gọi là ngang giá sức mua của tiền tệ (Purchasing Power Parity - PPP)

Ví dụ: Một hàng hóa A ở Mỹ có giá là 100USD, ở Pháp có giá là 82EUR. Ngang giá sức mua là :  $1\text{USD} = (82/100) = 0,82\text{EUR}$ . Đây chính là tỷ giá hối đoái giữa đô la Mỹ và đồng EUR.

## 2. Phương pháp yết tỷ giá

### 2.1. Khái niệm phương pháp yết tỷ giá

Theo tập quán kinh doanh tiền tệ của ngân hàng, tỷ giá hối đoái thường được yết giá như sau:

$$\text{USD/EUR} = 0,8854/0,8876$$

$$\text{USD/VND} = 23.165/23.265$$

Đồng USD đứng trước gọi là tiền *yết giá* hay còn gọi là đồng tiền hàng hoá hay đồng tiền cơ sở, nó luôn là một đơn vị. Các đồng EUR, VND đứng sau gọi là tiền *định giá* và là một số đơn vị tiền tệ và thường thay đổi phụ thuộc vào thời giá của đồng tiền yết giá. Tỷ giá đứng trước 0,8854 là tỷ giá mua đô la trả bằng EUR của ngân hàng, và tỷ giá đứng trước 23.165 là tỷ giá mua đô la trả bằng đồng Việt Nam của ngân hàng, chúng được gọi là tỷ giá mua vào của ngân hàng (BID RATE)

Tỷ giá đứng sau 0,8876 là tỷ giá bán đô la thu bằng EUR của ngân hàng và 23.265 là tỷ giá bán USD thu bằng VND của ngân hàng, chúng được gọi là tỷ giá bán ra của ngân hàng (ASK RATE)

Thông thường tỷ giá ASK cao hơn tỷ giá BID. Chênh lệch giữa chúng gọi là lợi nhuận trước thuế của ngân hàng hay tiếng Anh gọi là Spread, tiếng Pháp là Fourchette. Khoản chênh lệch này tùy thuộc vào từng ngoại tệ nhưng thông thường vào khoảng 0.001 đến 0.003 tức là từ 10 đến 30 điểm. Chúng ta có thể mô hình mối quan hệ này theo sơ đồ sau đây:

Tỷ giá thường được công bố đến 4 số lẻ. Điểm biểu hiện 1/10.000 của một đơn vị tiền tệ, nó là khoảng tăng nhỏ nhất khi tỷ giá biến đổi. Số của tỷ giá thông thường biểu hiện hai con số sau dấu chấm của tỷ giá. Con số này ít được quan tâm, bởi vì con số biến động mạnh nhất chính là phần điểm của tỷ giá.

Trong giao dịch ngoại hối, người ta có thể lấy tên thủ đô các nước công nghiệp phát triển thay cho tên tiền tệ của nước đó ở vị trí tiền định giá.

Để thống nhất các đơn vị tiền tệ của các nước, tổ chức tiêu chuẩn quốc tế (ISO) đã ban hành ký hiệu tiền tệ thống nhất. Tất cả đồng tiền của các nước đều

được mã hoá bằng 3 chữ cái in hoa, trong đó hai chữ cái đầu là ký hiệu của tên nước và chữ cái thứ ba là chữ cái đầu tiên của tên tiền tệ nước đó (*xem Phụ lục I*). Ví dụ, VND là ký hiệu đồng tiền của Việt Nam, trong đó VN là ký hiệu của Việt Nam và D là chữ cái đầu tiên của tên đồng tiền của Việt Nam "ĐỒNG". SGD là ký hiệu đồng tiền của nước Singapore, trong đó hai chữ cái đầu tiên SG là ký hiệu tên nước Singapore và chữ cái cuối cùng D là chữ đầu tiên của tên đồng tiền nước này "DOLLAR" v.v.

## 2.2. Các phương pháp yết tỷ giá

Có nhiều tác giả dùng các thuật ngữ khác nhau về biểu hiện tỷ giá, thậm chí trái ngược nhau xung quanh hai khái niệm trực tiếp và gián tiếp.

Để dễ hiểu ở đây chúng ta sử dụng hai cách biểu hiện tỷ giá sau đây:

*Cách thứ nhất*, tại một nước người ta so sánh một ngoại tệ nào đó với đồng nội tệ (yết giá trực tiếp trên quan điểm đồng ngoại tệ)

Ví dụ: Ở Việt Nam, tỷ giá theo cách biểu hiện này sẽ là so sánh các đồng ngoại tệ với VND.

Chẳng hạn:  $1 \text{ USD} = 22.950 \text{ VND}$

Ta viết là:  $\text{USD/VND} = 22.950$

Ở Pháp:  $1 \text{ USD} = 0,86 \text{ EUR}$

Ta viết là:  $\text{USD/EUR} = 0,86$

*Cách thứ hai*, tại một nước, người ta so sánh đồng nội tệ với đồng ngoại tệ (yết giá gián tiếp trên quan điểm đồng ngoại tệ)

Ở Pháp, tỷ giá theo cách biểu hiện này sẽ là so sánh đồng tiền EUR với ngoại tệ.

Chẳng hạn:  $1 \text{ EUR} = 1,3404 \text{ USD}$

Ta viết là:  $\text{EUR /USD} = 1,3404$

Ở Anh:  $1 \text{ GBP} = 1,5958 \text{ USD}$

Ta viết là:  $\text{GBP/USD} = 1,6958$

## 3. Xác định tỷ giá theo phương pháp tính chéo

Hiện nay trên các thị trường hối đoái quốc tế, thông thường người ta chỉ thấy tỷ giá giữa USD và GBP so với đồng nội tệ. Chẳng hạn ở Việt Nam thì người ta thông báo tỷ giá giữa USD so với VND, ở các nước cộng đồng chung châu Âu thì USD/EUR ... Trong giao dịch ngoại hối, khách hàng còn muốn xác định tỷ giá giữa các đồng tiền khác, chẳng hạn họ muốn xác định tỷ giá USD/GBP, do vậy họ phải dùng một phương pháp nào đó để tính toán các tỷ giá này. Đó chính là phương pháp tính chéo tỷ giá.

### 3.1. Xác định tỷ giá hối đoái của hai tiền tệ yết giá gián tiếp

*Ví dụ 1:* Tại Việt Nam, thông tin tỷ giá ngày 25/2/20X8 như sau

$$\text{USD/VND} = 22.650/22.700$$

$$\text{USD/CHF} = 0,9688/0,9738$$

Tính tỷ giá CHF/VND = Dm/Db = ?

Các bước thực hiện để xác định tỷ giá giữa CHF và VND như sau:

- Tính tỷ giá bán của khách (tỷ giá mua vào của ngân hàng) – Dm :

Bước 1 : Khách hàng bán CHF mua USD, tỷ giá bán USD của ngân hàng:

$$1\text{USD} = 0,9738\text{CHF}$$

Bước 2 : Khách hàng bán USD mua VND, tỷ giá mua USD của ngân hàng:

$$1\text{USD} = 22.650\text{VND}$$

Như vậy,  $0,9738\text{CHF} = 22.650\text{VND}$ ,

Do đó  $Dm\text{CHF/VND} = 22.650 : 0,9738 = 23.259$

- Tính tỷ giá mua của khách (tỷ giá bán ra của ngân hàng) – Db :

Bước 1 : Khách hàng bán VND mua USD, tỷ giá bán của ngân hàng:

$$1\text{USD} = 22.700\text{VND}$$

Bước 2 : Khách hàng bán USD mua CHF, tỷ giá mua của ngân hàng

$$1\text{USD} = 0,9688\text{CHF}$$

Như vậy,  $0,9688\text{CHF} = 22.700\text{VND}$

Do đó  $Db\text{CHF/VND} = 22.700 : 0,9688 = 23.431$

$\text{CHF/VND} = 23.259/23.431$

*Kết luận:* Nếu các tỷ giá được thông báo :

$$A/B = DmI/DbI$$

$$A/C = DmII/DbII$$

thì tỷ giá  $B/C = Dm/Db$  được xác định như sau :

$$Dm = DmII : DbI$$

$$Db = DbII : DmI$$

### 3.2. Xác định tỷ giá hối đoái của hai tiền tệ yết giá trực tiếp

Nếu các tỷ giá được thông báo :

$$A/B = DmI/DbI$$

$$C/B = DmII/DbII$$

thì tỷ giá  $A/C = Dm/Db$  được xác định như sau :

$$Dm = DmI : DbII$$

$$Db = DbI : DmII$$

*Ví dụ 2:* Tỷ giá ngân hàng công bố ngày 01/04/20X8 như sau:

$$\text{GBP/USD} = 1,5995/25$$

$$\text{EUR/USD} = 1,3105/25$$

Xác định tỷ giá  $\text{GBP/EUR} = Dm/Db = ?$

Giải:

$$Dm\text{GBP/EUR} = DmI : DbII = 1,5995 : 1,3125 = 1,2187$$

$$Db\text{GBP/EUR} = DbI : DmII = 1,6025 : 1,3105 = 1,2228$$

$$\text{Vậy GBP/EUR} = 1,2187/1,2228$$

### 3.3. Xác định tỷ giá hối đoái của hai tiền tệ yết giá khác nhau

Nếu các tỷ giá được thông báo :

$$A/B = DmI/DbI$$

$$B/C = DmII/DbII$$

thì tỷ giá  $A/C = Dm/Db$  được xác định như sau :

$$Dm = DmI \times DbI$$

$$Db = DmII \times DbII$$

Ví dụ 3: Tỷ giá ngân hàng công bố ngày 01/04/20X8 như sau:

$$\text{GBP/USD} = 1,5995/25$$

$$\text{USD/CHF} = 0,9885/15$$

Xác định tỷ giá  $\text{GBP/CHF} = Dm/Db = ?$

Giải:

$$Dm_{\text{GBP/CHF}} = DmI \times DbI = 1,5995 \times 0,9885 = 1,5811$$

$$Db_{\text{GBP/CHF}} = DmII \times DbII = 1,6025 \times 0,9915 = 1,5888$$

$$\text{Vậy } \text{GBP/EUR} = 1,5811/1,5888$$

#### 4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá

Sau 1971 với sự sụp đổ của chế độ tiền tệ Bretton Woods, quan hệ tiền tệ giữa các nước được thả nổi, diễn hình là ở các nước tư bản. Với cơ chế này, tỷ giá hối đoái của các nước biến động hàng ngày, hàng giờ trên thị trường do ảnh hưởng của nhiều nhân tố như lạm phát, tình hình cán cân thanh toán quốc tế, tình hình cung và cầu ngoại hối trên thị trường v.v

Chúng ta cần hiểu rằng tỷ giá hối đoái là một loại giá, vậy về bản chất nó giống như bất kỳ một loại giá nào trong nền kinh tế, tức là sẽ vận động theo quy luật cung - cầu. Tuy nhiên cần nhấn mạnh ngay rằng xét về phạm vi ảnh hưởng tỷ giá hối đoái bao giờ cũng được coi là loại giá quốc tế, do đó nó sẽ bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau trong không gian này.

Dưới đây chúng ta sẽ xét ảnh hưởng của 3 nhân tố quan trọng đến biến động của tỷ giá hối đoái.

##### 4.1. Mức chênh lệch về lạm phát giữa hai quốc gia

Nói cách khác ở đây muốn nói đến mối liên hệ giữa tỷ giá hối đoái và sức mua của mỗi đồng tiền trong mỗi cặp tiền tệ. Để thấy rõ mối liên quan này ta sử dụng lý thuyết sức mua của Ricardo - Cassel. Lý thuyết này giả thuyết rằng tỷ giá hối đoái ở mức cân bằng phải thể hiện sự ngang bằng trong sức mua giữa hai đồng tiền tương ứng và nó được gọi là lý thuyết 3P (Purchasing Power Parity).

Lý thuyết này giả thuyết trong một nền kinh tế cạnh tranh lành mạnh, tức là trong đó cước phí vận chuyển, thuế hải quan giả định bằng 0. Do đó nếu các hàng hóa đồng nhất thì người tiêu dùng sẽ mua hàng ở nước nào có giá thật sự thấp. Theo giả thiết đó, một kiện hàng A ở Mỹ có giá là 100USD và ở Pháp là 80EUR, có nghĩa là theo ngang giá sức mua đối nội của hai đồng tiền này là:  $\text{USD /EUR} = 0,8000$ . Nếu ở Mỹ mức lạm phát là 5%/năm và ở Pháp là 10%/năm thì giá kiện hàng A ở Mỹ sẽ tăng lên là 105USD, ở Pháp tăng lên là 88EUR. Do đó ngang giá sức mua đối nội sẽ là  $105\text{USD} = 88\text{EUR}$  , hay  $\text{USD/EUR} = (88/105) = 0,8381$

Như vậy: - Tỷ giá trước lạm phát là USD/EUR = 0,8000

- Tỷ giá sau lạm phát là USD/EUR = 0,8381

Mức chênh lệch tỷ giá là 4,76% trong khi đó mức chênh lệch lạm phát là 5%, hai mức này có thể coi là tương tự như nhau. Qua đó cho thấy tỷ giá biến động do lạm phát phụ thuộc mức chênh lệch của lạm phát của hai đồng tiền yết giá và định giá.

Giả sử đồng tiền của 2 nước là A và B, trong đó đồng tiền A là yết giá và B là đồng tiền định giá.

Nước nào có mức độ lạm phát lớn hơn thì đồng tiền nước đó có sức mua thấp hơn, nước nào có mức độ lạm phát cao hơn mức độ lạm phát trung bình của thế giới hoặc của khu vực thì đồng tiền nước đó mất giá liên tục.

Ngoại hối có giá cả vì nó cũng là một loại hàng hóa và là một loại hàng hóa đặc biệt. Giá cả của ngoại hối cũng chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như giá cả của các loại hàng hóa thông thường như mức độ lạm phát và giảm phát, cung và cầu hàng hóa trên thị trường, sự lũng đoạn về giá cả v.v.

Nếu không tính đến các nhân tố khác mà chỉ tính riêng ảnh hưởng của nhân tố lạm phát, ta có thể dự đoán được sự biến động của tỷ giá trong tương lai.

Ví dụ: Tỷ giá USD/VND bình quân năm 2018 là 22.050. Tỷ lệ lạm phát của Mỹ là 5% và của Việt Nam là 8% năm. Dự đoán tỷ giá USD/VND năm 2019 sẽ là:

$$\text{USD/VND} = 22.050 \times (1.08/1.05) = 22.680$$

#### **4.2. Cung cầu về ngoại hối trên thị trường**

Cán cân thanh toán quốc tế có tác động rất quan trọng đến tỷ giá hối đoái. Tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế sẽ tác động trực tiếp đến cung và cầu ngoại hối, do đó nó tác động trực tiếp và rất nhạy bén đến tỷ giá hối đoái. Về nguyên tắc, nếu cán cân thanh toán quốc tế dư thừa có thể dẫn đến khả năng cung ngoại hối lớn hơn cầu ngoại hối, từ đó làm cho tỷ giá hối đoái có xu hướng giảm. Ngược lại nếu cán cân thanh toán quốc tế thiếu hụt có thể dẫn đến cầu ngoại hối lớn hơn cung ngoại hối, từ đó tỷ giá hối đoái có xu hướng tăng. Trong cán cân thanh toán quốc tế, cán cân thương mại có tác động cực kỳ quan trọng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái mà các nhà kinh tế đều công nhận. Đây là nhân tố cơ bản đứng sau lưng tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên tùy vào điều kiện của mỗi nước và trong từng giai đoạn phát triển, các cán cân khác cũng có vai trò rất lợi hại, ví dụ như cán cân giao dịch vốn. Cụ thể ở điều kiện của Việt Nam trong những năm gần đây, đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhanh tạo nên dòng chảy ngoại tệ vào trong nước rất lớn thể hiện trong tài khoản vốn trong cán cân thanh toán quốc tế, từ đó tác động lên cung ngoại hối và tỷ giá hối đoái.

#### **4.3. Mức chênh lệch lãi suất giữa các quốc gia**

Nói chung, nếu các điều kiện và môi trường kinh doanh của các nước là tương đương nhau, nước nào có lãi suất ngắn hạn cao hơn thì vốn ngắn hạn sẽ

chảy vào nhằm thu phần chênh lệch do tiền lãi tạo ra, do đó sẽ làm cho cung ngoại hối tăng lên, cầu ngoại hối giảm đi, tỷ giá hối đoái sẽ giảm xuống. Chẳng hạn, khi Việt Nam nâng cao lãi suất tiền gửi hơn các nước trong khu vực thì lượng ngoại tệ sẽ chảy vào Việt Nam để mua các tín phiếu ngắn hạn, do đó sẽ làm cho cung ngoại tệ và đồng thời cũng làm giảm nhu cầu ngoại tệ xuống. Tỷ giá hối đoái do đó cũng giảm xuống. Tuy nhiên điều này có thực sự xảy ra hay không còn phụ thuộc vào điều kiện và môi trường kinh doanh của Việt Nam có đảm bảo an toàn cho các nhà đầu tư hay không, bởi vì các nhà đầu tư không chỉ quan tâm đến lợi nhuận thu được từ đầu tư mà còn rất quan tâm đến yếu tố an toàn vốn đầu tư.

## **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1**

1. Trình bày khái niệm tỷ giá hối đoái, các loại tỷ giá hối đoái. Cho ví dụ minh họa.
2. Có mấy phương pháp yết tỷ giá? Trình bày công thức tính chéo tỷ giá. Cho ví dụ minh họa.
3. Trình bày các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.

### **BÀI TẬP CHƯƠNG 1**

#### ***Bài tập 1***

Một doanh nghiệp xuất khẩu thu được 5 triệu HKD, cần phải mua 1 triệu JPY để thanh toán tiền nhập khẩu cho một Công ty của Nhật, số tiền còn lại chuyển thành EUR để đầu tư sang Pháp. Hãy tính số EUR thu được? Biết rằng tỷ giá công bố như sau:

$$\text{USD/JPY} = 121,80/125,80$$

$$\text{USD/HKD} = 7,7460/90$$

$$\text{USD/EUR} = 0,8110/20$$

#### ***Bài tập.2***

Công ty Xuất nhập khẩu Huế xuất khẩu thu được 40.000USD từ một lô hàng xuất khẩu. Công ty muốn mua EUR để trả tiền nhập khẩu hàng hoá cho một công ty của Đức. Hãy tính xem ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty bao nhiêu EUR? Biết tỷ giá công bố như sau:

$$\text{USD/VND} = 20.850/20.870$$

$$\text{EUR/VND} = 26.100/26.130$$

#### ***Bài tập 3***

Công ty xuất khẩu lâm sản Quảng Bình cần bán 1 triệu JPY để mua GBP, tỷ giá công bố như sau:

$$\text{USD/JPY} = 98,0020/98,0050$$

$$\text{GBP/USD} = 1,5125/55$$

- a. Ngân hàng sẽ áp dụng tỷ giá bao nhiêu?
- b. Nếu ngược lại, công ty muốn mua 1 triệu JPY trả bằng GBP thì ngân hàng sẽ áp tỷ giá bao nhiêu?

#### ***Bài tập 4***

Công ty XNK Phương Nam cần phải thanh toán một lô hàng nhập khẩu trị giá 200.000 USD và 160.000 EUR. Số dư trong tài khoản ngoại tệ của Công ty hiện tại là 380.000 GBP.

- a. Hãy thực hiện thanh toán cho công ty XNK Phương Nam theo nguyên tắc ngoại tệ thanh toán bằng ngoại tệ.
- b. Số GBP thừa/thiếu sau các thanh toán trên là bao nhiêu?
- c. Tính số dư tài khoản bằng VND sau các giao dịch thanh toán trên?

Biết tỷ giá hối đoái tại thời điểm thanh toán như sau:

GBP/USD: 1,3272/1,3305

GBP/EUR: 1,2145/1,2160

GBP/VND: 32.150/32.230

#### ***Bài tập 5***

Một đoàn khách du lịch Mỹ thuê 5 phòng của khách sạn Mường Thanh trong 7 ngày đêm, trong đó có 3 phòng đơn và 2 phòng đôi, giá phòng đôi là 1.600.000 VND một ngày đêm, giá phòng đơn là 900.000 VND một ngày đêm. Các dịch vụ khác sử dụng trong quá trình lưu trú tổng giá thanh toán là 15.000.000 VND. Tính số USD mà khách phải đổi ra VNĐ để thanh toán? Biết tỷ giá hối đoái tại thời điểm thanh toán USD/VND: 22.640/22.710.

## **CHƯƠNG 2: THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI TRUYỀN THÔNG**

### **❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 2**

Chương này sẽ giới thiệu về các hoạt động thanh toán, các hình thức thanh toán quốc tế thường được sử dụng trong các hợp đồng mua bán ngoại thương như hối phiếu, séc, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, thư tín dụng, thanh toán điện tử. Chương này cũng sẽ giới thiệu một số nội dung về chứng từ thanh toán, điều kiện thanh toán và phương thức thanh toán quốc tế, phương pháp lập chứng từ và thủ tục thanh toán cho khách, đặc biệt là thanh toán cho khách trong nhà hàng, khách sạn.

### **❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 2**

*Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:*

#### **➤ Về kiến thức:**

- Trình bày các phương pháp thanh toán quốc tế thông dụng
- Trình bày điều kiện thời gian thanh toán
- Trình bày điều kiện về phương thức thanh toán

#### **➤ Về kỹ năng:**

- Nhận diện các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng
- Sử dụng một trong các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng
- Xác định thời gian và phương thức thanh toán

#### **➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

### **PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 2**

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 2 (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### **❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 2**

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

## ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2

### - **Nội dung:**

- ✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- ✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- ✓ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
- ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Không có
- ✓ **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** Không có

## ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 2

### 1. Các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng

Để hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng hoàn thiện hơn, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không ngừng nghiên cứu và đưa ra các văn bản có tính pháp lý, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt nói chung và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt phát huy tác dụng.

Các hình thức thanh toán được áp dụng trong thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ bao gồm:

- + Thanh toán bằng Hối phiếu;
- + Thanh toán bằng Séc;
- + Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi - Lệnh chi;
- + Thanh toán uỷ nhiệm thu - Nhờ thu;
- + Thanh toán bằng thư tín dụng;
- + Thanh toán bằng thẻ Ngân hàng;
- + Voucher.

Mỗi hình thức có nội dung kinh tế và cách thức thanh toán khác nhau

#### 1.1. Hối phiếu (Bill of Exchange hoặc Draft)

##### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hối phiếu

Hối phiếu là một lệnh viết đòi tiền vô điều kiện của người ký phát hối phiếu cho người khác, yêu cầu người này khi nhìn thấy phiếu, hoặc đến một ngày cụ thể nhất định hoặc một ngày có thể xác định trong tương lai phải trả một số tiền nhất định cho một người nào đó hoặc theo lệnh của người này trả cho một người khác hoặc trả cho người cầm phiếu.

Qua định nghĩa này, chúng ta thấy hối phiếu có 3 đặc điểm quan trọng sau:

*Thứ nhất, tính trừu tượng của hối phiếu* thể hiện rằng trên hối phiếu không cần phải ghi nội dung quan hệ tín dụng, tức là nguyên nhân sinh ra việc lập hối phiếu mà chỉ cần ghi số tiền phải trả và những nội dung có liên quan đến việc trả tiền. Hiệu lực pháp lý của hối phiếu cũng không bị ràng buộc do nguyên nhân gì sinh ra hối phiếu. Một khi được tách khỏi hợp đồng và nằm trong tay người thứ ba thì hối phiếu trở thành một trái vụ độc lập, chứ không phải là trái vụ sinh ra từ hợp đồng. Nghĩa vụ trả tiền của hối phiếu là trừu tượng.

*Thứ hai, tính bắt buộc trả tiền của hối phiếu* thể hiện người trả tiền hối phiếu phải trả theo đúng nội dung ghi trên phiếu và không được viện những lý do riêng của mình đối với người phát phiếu, người ký hậu để từ chối việc trả tiền, trừ trường hợp hối phiếu được lập trái với đạo luật chi phối nó. Ví dụ: một người đặt hàng mua máy móc, sau khi ký hợp đồng đã chấp nhận trả tiền vào tờ phiếu do người cung cấp hàng gửi đến, hối phiếu đó đã được chuyển đến tay người thứ ba thì người đặt hàng bắt buộc phải trả tiền cho người cầm phiếu này ngay cả

trong trường hợp người cung cấp hàng vi phạm hợp đồng không giao hàng cho người mua.

Thứ ba, *tính lưu thông của hối phiếu* thể hiện hối phiếu có thể được chuyển nhượng một hay nhiều lần trong thời hạn của nó, bởi vì hối phiếu là lệnh đòi tiền của một người này với người khác, hối phiếu có một trị giá tiền nhất định, có một thời hạn nhất định, thời hạn này thường là ngắn và được người trả tiền chấp nhận. Như vậy nhờ vào tính trừu tượng và tính bắt buộc nghĩa vụ trả tiền mà hối phiếu có tính lưu thông.

#### 1.1.2. *Hình thức của hối phiếu*

Vì hối phiếu phải lưu hành nên nó phải có một hình thức nhất định để người ta có thể dễ dàng phân biệt hối phiếu với các phương tiện thanh toán khác. Hối phiếu thương mại là một văn bản xác nhận một trái vụ trả tiền có tính chất thương mại, cho nên hối phiếu phải có một nội dung nhất định phù hợp với luật lệ chi phối nó.

Hối phiếu phải làm thành văn bản. Hối phiếu nói, điện tín, điện thoại v.v đều không có giá trị pháp lý.

Hình mẫu của hối phiếu ở Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước thống nhất phát hành. Đối với các nước khác, hình mẫu của hối phiếu thương mại do tư nhân tự định ra và tự phát hành. Hình mẫu của hối phiếu không quyết định giá trị pháp lý của hối phiếu.

Ngôn ngữ tạo lập hối phiếu là ngôn ngữ viết hoặc in sẵn, đánh máy sẵn, đánh máy bằng một thứ tiếng nhất định và thống nhất. Tiếng Anh là tiếng thông dụng của ngôn ngữ tạo lập hối phiếu. Một hối phiếu sẽ không có giá trị pháp lý, nếu nó được tạo lập bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Những hối phiếu viết bằng bút chì, bằng thứ mực dễ phai như mực đỏ đều trở thành vô giá trị.

Hối phiếu có thể lập thành một hay nhiều bản, mỗi bản đều đánh số thứ tự, các bản đều có giá trị như nhau. Khi thanh toán, ngân hàng thường gửi hối phiếu cho người trả tiền làm hai lần kế tiếp nhau để phòng thất lạc, bản nào đến trước thì sẽ được thanh toán trước, bản nào đến sau sẽ trở thành vô giá trị. Vì vậy trên hối phiếu thường ghi câu “Sau khi nhìn thấy bản thứ nhất của hối phiếu này (bản thứ hai có cùng nội dung và ngày tháng không trả tiền...)” ở bản số một của hối phiếu. Bản số hai lại ghi “Sau khi nhìn thấy bản thứ hai của hối phiếu này (bản thứ nhất có cùng nội dung và ngày tháng không trả tiền)...”. Hối phiếu không có bản phụ.

#### 1.1.3. *Nội dung của hối phiếu*

Theo Luật Thống nhất về Hối phiếu ban hành theo Công ước Geneve 1930 (*Uniform Law for Bill of Exchange – ULB, xem phụ lục*), một hối phiếu phải bao gồm 8 nội dung bắt buộc sau đây:

- *Tiêu đề của hối phiếu*: Chữ Hối phiếu là tiêu đề của một hối phiếu, thiếu tiêu đề này, hối phiếu sẽ trở thành vô giá trị. Ngôn ngữ của tiêu đề phải cùng ngôn ngữ của toàn bộ nội dung hối phiếu.

- *Địa điểm và ngày ký phát hối phiếu*: Thông thường địa chỉ của người lập hối phiếu là địa điểm ký phát hối phiếu. Hối phiếu được ký phát ở đâu thì lấy địa điểm ký phát ở đó. Một hối phiếu không ghi rõ địa điểm ký phát, người ta cho phép lấy địa chỉ bên cạnh tên của người ký phát làm địa điểm ký phát hối phiếu. Nếu trên hối phiếu thiếu cả địa chỉ của người phát hành thì hối phiếu đó vô giá trị. Ngày tháng ký phát hối phiếu có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định kỳ hạn trả tiền của hối phiếu có kỳ hạn nếu hối phiếu ghi rằng: “Sau X ngày kể từ ngày ký phát hối phiếu này”. Ngày ký phát hối phiếu còn liên quan đến khả năng thanh toán của hối phiếu. Ví dụ, nếu ngày ký phát hối phiếu xảy ra sau ngày người có nghĩa vụ trả tiền hối phiếu mất khả năng thanh toán như bị phá sản, bị đưa ra tòa, bị chết v.v.. thì khả năng thanh toán hối phiếu đó không còn nữa.

- *Mệnh lệnh đòi tiền vô điều kiện một số tiền cụ thể*: Hối phiếu là một mệnh lệnh đòi tiền, không phải là một yêu cầu đòi tiền. Việc trả tiền là vô điều kiện, có nghĩa là trong hối phiếu không được viện lý do nào khác, trừ lý do hối phiếu trái với luật hối phiếu, để quyết định có trả tiền hay không. *Số tiền của hối phiếu* là một số tiền nhất định, tức là một số tiền được ghi một cách đơn giản và rõ ràng, người ta có thể nhìn qua để biết được số tiền phải trả là bao nhiêu, không cần qua các nghiệp vụ tính toán nào dù là đơn giản. Số tiền được ghi có thể vừa bằng số vừa bằng chữ hoặc hoàn toàn bằng số hay hoàn toàn bằng chữ. Số tiền của hối phiếu phải nhất trí với nhau trong cách ghi. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số tiền bằng số và số tiền bằng chữ thì người ta thường căn cứ vào số tiền ghi bằng chữ. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số tiền toàn ghi bằng số hay toàn ghi bằng chữ thì người ta căn cứ vào số tiền nhỏ hơn.

- *Thời hạn trả tiền* của hối phiếu gồm có 2 loại thời hạn trả tiền ngay và thời hạn trả tiền sau. Cách ghi thời hạn trả tiền ngay thường là: “Ngay sau khi nhìn thấy bản thứ (...) của hối phiếu này (...)” hoặc “Sau khi nhìn thấy bản thứ (...) của hối phiếu này (...)”. Cách ghi thời hạn trả tiền sau thường có 3 cách:

Nếu mốc thời gian tính từ ngày chấp nhận hối phiếu thì ghi: “X ngày sau khi nhìn thấy bản thứ (...) của hối phiếu này ...”

Nếu thời hạn trả tiền tính từ ngày ký phát hối phiếu thì ghi: “X ngày kể từ ngày ký bản (...) của hối phiếu này ...”

Nếu thời hạn là một ngày cụ thể nhất định thì ghi: “Đến ngày (...) của bản thứ (...) của hối phiếu này (...)”. Trong 3 cách trên, cách thứ nhất thường được sử dụng hơn cả.

Những cách ghi thời hạn trả tiền của hối phiếu mơ hồ, tối nghĩa khiến cho người ta không thể xác định được thời hạn trả tiền là bao nhiêu hoặc nó biến việc trả tiền của hối phiếu thành có điều kiện thì hối phiếu sẽ vô giá trị. Ví dụ ghi: “Sau

khi tàu biển cập cảng thì trả cho bản thứ (...) của hối phiếu này” hoặc “Sau khi hàng hóa đã được kiểm nghiệm xong (...) thì trả cho bản thứ (...) của hối phiếu này”.

- *Địa điểm trả tiền của hối phiếu* là địa điểm được ghi rõ trên hối phiếu. Nếu hối phiếu không ghi rõ hoặc không ghi địa điểm trả tiền, người ta có thể lấy địa chỉ ghi bên cạnh tên của người trả tiền là địa điểm trả tiền.

- *Người hưởng lợi* quy định ở mặt trước của tờ hối phiếu, trước tiên là người ký phát hối phiếu, hoặc có thể là người khác do người ký phát hối phiếu chỉ định.

- *Người trả tiền hối phiếu* được ghi rõ ở mặt trước, góc trái cuối cùng của tờ hối phiếu, sau chữ “gửi..”

- *Người ký phát hối phiếu* được ghi ở mặt trước, góc phải cuối cùng của tờ hối phiếu.

Cần đặc biệt chú ý là tất cả những người có liên quan được ghi trên tờ hối phiếu phải ghi rõ đầy đủ tên, địa chỉ mà họ dùng để đăng ký hoạt động kinh doanh. Người ký phát hối phiếu phải ký tên trên mặt trước, góc phải cuối cùng của tờ hối phiếu đó. Người ký phát hối phiếu phải đăng ký mẫu chữ ký với một cơ quan chuyên trách, không được phép ủy quyền cho người khác ký thay mình trên hối phiếu. Chữ ký phải được ký bằng tay và không được đóng dấu đè lên chữ ký.

Ví dụ, khi dùng hối phiếu là một phương tiện đòi tiền của phương thức tín dụng chứng từ, hối phiếu sẽ có mẫu dưới đây:

<p><b>BILL OF EXCHANGE</b></p> <p><b>No. 05HH2008</b></p> <p><b>For EUR 3,590,00</b></p> <p><b>At sight of this First Bill of Exchange (Second of the same tenor and date being unpaid) pay to the order of MILITARY COMMERCIAL JOINT STOCK BANK the sum of Euro Three million five hundred ninety thousand only.</b></p> <p><b>Value received and charge the same to account of Rensen Seatrade BV Drawn under Fortis Bank (Netherlands) Rotterdam</b></p> <p><b>Irrevocable Transferable Letter of Credit No. NLNLINL07M327207dated 070705</b></p> <p><b>To For: FORTIS BANK (NETHERLANDS) HONG HA COMPANY ROTTERDAM</b></p>	<p><i>Hai phong, 05th November 2008</i></p>
--	---

Đối với hối phiếu dùng trong trường hợp này, một số nội dung của hối phiếu đã có sự thay đổi, song không làm thay đổi tính chất của hối phiếu đó, cụ thể là: Người trả tiền hối phiếu này là Ngân hàng **FORTIS BANK (NETHERLANDS)**. Ngân hàng **FORTIS BANK (NETHERLANDS)** là ngân hàng mở L/C.

- *Quyền lợi và nghĩa vụ của những người có liên quan đến hối phiếu:*

Theo Luật Kỳ phiếu và Hối phiếu quốc tế năm 1982 (phụ lục), quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan đến hối phiếu được quy định trong chương IV.

- *Người ký phát hối phiếu*: Người ký phát hối phiếu trong ngoại thương là người xuất khẩu, người cung ứng các dịch vụ có liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa. Người ký phát hối phiếu có trách nhiệm ký phát hối phiếu cho đúng luật, ký tên vào góc bên phải, phía dưới ở mặt thị trước tờ hối phiếu. Khi hối phiếu đã được chuyển nhượng bị từ chối trả tiền thì người ký phát hối phiếu có trách nhiệm phải hoàn trả tiền lại cho những người hưởng lợi của tờ hối phiếu đó.

Quyền của người ký phát hối phiếu được thể hiện trên hai mặt chủ yếu bao gồm quyền hưởng lợi số tiền ghi trên hối phiếu và quyền chuyển nhượng hưởng lợi đó cho người khác.

- *Người trả tiền hối phiếu*: Người trả tiền hối phiếu trong ngoại thương là người nhập khẩu, là người sử dụng các cung ứng dịch vụ có liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa. Khi dùng hối phiếu là phương tiện đòi tiền của phương thức tín dụng chứng từ, người trả tiền hối phiếu lại là ngân hàng mở L/C hay ngân hàng xác nhận. Trách nhiệm trả tiền của ngân hàng đối với hối phiếu chỉ giới hạn trong thời hạn hiệu lực của L/C.

Trách nhiệm của người trả tiền hối phiếu là phải trả tiền hối phiếu theo đúng những điều quy định trong hối phiếu. Nếu là hối phiếu có kỳ hạn, người trả tiền phải ký chấp nhận trả tiền hối phiếu khi nhìn thấy hối phiếu. Việc chấp nhận này là vô điều kiện.

Quyền lợi của người trả tiền hối phiếu là có quyền từ chối trả tiền hối phiếu khi chưa ký chấp nhận.

- *Người hưởng lợi hối phiếu*: Người hưởng lợi hối phiếu là người có quyền được nhận số tiền của hối phiếu. Người này có thể là bản thân người ký phát hối phiếu, cũng có thể là một người khác do người ký phát hối phiếu chỉ định, hoặc do người hưởng lợi chuyển nhượng quyền hưởng lợi hối phiếu của mình cho người đó bằng thủ tục ký hậu.

- *Người chuyển nhượng hối phiếu*: Là người đem quyền hưởng lợi hối phiếu của mình chuyển cho người khác bằng thủ tục ký hậu. Người chuyển nhượng đầu tiên của hối phiếu là người ký phát hối phiếu.

- *Người cầm phiếu* là người có quyền nhận tiền hối phiếu khi hối phiếu được trả tiền. Người cầm phiếu là người ký phát hối phiếu, nếu anh ta không chuyển nhượng hối phiếu. Trong trường hợp hối phiếu được chuyển nhượng thì người cầm phiếu là người hưởng lợi cuối cùng của hối phiếu.

Nếu hối phiếu không ghi tên người hưởng lợi ở mặt trước của tờ hối phiếu, tức là hối phiếu vô danh thì bất cứ người nào cầm hối phiếu cũng trở thành người hưởng lợi. Nếu hối phiếu được chuyển nhượng ở mặt sau bằng cách ký hậu để trống thì người nào cầm phiếu cũng đều trở thành người hưởng lợi.

#### 1.1.4. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu

- *Chấp nhận hối phiếu (Acceptance)*:

Hồi phiếu sau khi được ký phát phải được xuất trình cho người trả tiền để người này ký chấp nhận trả tiền, nhất là đối với hồi phiếu có kỳ hạn. Một hồi phiếu đã được ký chấp nhận mới có sự tin cậy trong thanh toán. Thời hạn chấp nhận có thể được giải thích theo hai trường hợp sau đây:

*Thứ nhất*, nếu hai bên không có quy định gì khác thì theo luật quy định thời hạn chấp nhận là 12 tháng kể từ ngày ký phát hồi phiếu.

*Thứ hai*, nếu hai bên quy định rõ với nhau trong hợp đồng mua bán hoặc trong thư tín dụng thời hạn cụ thể phải xuất trình hồi phiếu để chấp nhận, thì hồi phiếu phải được xuất trình để chấp nhận trong thời hạn đó. Ví dụ, thời hạn hiệu lực của thư tín dụng là 45 ngày, hay là hết hạn 20 ngày kể từ sau ngày giao hàng thì thời hạn chấp nhận hồi phiếu chỉ trong vòng 20 ngày đó, nếu quá, tức là L/C đã hết hiệu lực, ngân hàng mở L/C sẽ từ chối thanh toán tờ hồi phiếu gửi đến, nếu là trả tiền ngay, hoặc từ chối chấp nhận hồi phiếu, nếu là trả tiền sau.

Sự chấp nhận hồi phiếu được ghi vào mặt trước, góc dưới bên trái của tờ hồi phiếu và được ghi bằng chữ “chấp nhận” viết kế bên chữ ký của người trả tiền. Ngoài công thức chấp nhận trên, ULB còn cho phép người trả tiền dùng những chữ khác tương tự thể hiện sự chấp nhận của mình như “xác nhận”, “đồng ý”, “đồng ý trả tiền”.

Những sự chấp nhận của người trả tiền được thực hiện trên tờ hồi phiếu bằng những chữ mơ hồ, tối nghĩa khiến cho hồi phiếu mất tính chất luật định của nó sẽ trở thành vô giá trị.

Cũng có thể người trả tiền ký chấp nhận vào mặt sau của tờ hồi phiếu. Trong trường hợp này để phân biệt với ký hậu chuyển nhượng, người trả tiền bắt buộc phải tôn trọng đúng theo công thức ký chấp nhận nêu trên.

Trong thanh toán quốc tế, người ta loại trừ sự chấp nhận bằng một văn thư riêng hoặc chấp nhận gộp nhiều hồi phiếu bằng một văn thư chung. Điều này luật coi là vô hiệu.

Ngày tháng ký chấp nhận không phải là một yêu cầu bắt buộc. Nhưng trên thực tế sử dụng hồi phiếu, người ta thấy có loại hồi phiếu đòi hỏi ký chấp nhận có ghi ngày tháng, có loại không cần ghi ngày tháng.

Đối với hồi phiếu có kỳ hạn được xác định trong tương lai “X ngày kể từ ngày nhìn thấy bản thứ (...) của hồi phiếu này (...)” thì ngày tháng ký chấp nhận là ngày nhìn thấy hồi phiếu. Đó là mốc thời gian để tính ra kỳ hạn của hồi phiếu. Theo luật hồi phiếu, có 3 cách ký chấp nhận hồi phiếu sau:

Theo cách chấp nhận ngắn, người chấp nhận chỉ cần ghi tên đơn vị mình và ký tên.

Ví dụ: Công ty Bia Huế

(Ký tên)

Theo cách chấp nhận đầy đủ, người chấp nhận ghi số tiền đã ghi trên hồi phiếu địa điểm thanh toán và ngày ký chấp nhận.

Ví dụ: Chấp nhận 100.000 USD

Ngày ... tháng ... năm ...

(Ký tên)

Theo cách chấp nhận một phần, người chấp nhận ghi số tiền mình chấp nhận và ký tên.

Ví dụ: Chấp nhận 95.000 USD

Ngày ... tháng ... năm ...

(Ký tên)

- *Ký hậu hồi phiếu (Endorsement):*

Ký hậu hồi phiếu là hình thức để chuyển nhượng hồi phiếu. Người hưởng lợi muốn chuyển nhượng hồi phiếu cho người khác thì phải ký vào mặt sau của tờ hồi phiếu rồi chuyển hồi phiếu cho người đó.

Hành vi ký hậu có hai ý nghĩa pháp lý: (1) nó thừa nhận sự chuyển quyền lợi hồi phiếu cho người khác theo quy định trong mặt sau của hồi phiếu. Sự ký hậu này mang tính trừu tượng, có nghĩa là người ký hậu không cần nêu lý do của sự chuyển nhượng và cũng không cần phải thông báo cho người trả tiền biết về sự chuyển nhượng đó mà người được chuyển nhượng nghiêm nhiên trở thành người hưởng lợi của hồi phiếu đó; (2) việc ký hậu hồi phiếu xác định trách nhiệm của người ký hậu về việc trả tiền hồi phiếu với những người cầm phiếu sau đó. Trong chuyển nhượng trái quyền dân luật, người chuyển nhượng chỉ đảm bảo rằng con nợ có thiếu số tiền được chuyển nhượng mà không đảm bảo rằng con nợ sẽ thanh toán số nợ đó. Trong luật hồi phiếu thì người ký hậu không những đảm bảo rằng người trả tiền hồi phiếu có mắc nợ số tiền ghi trên hồi phiếu mà còn đảm bảo rằng mình sẽ trả tiền hồi phiếu đó cho những người được chuyển nhượng, nếu như người trả tiền từ chối thanh toán hồi phiếu đó, bởi vì người ký hậu là người đóng vai trò chủ động trong việc ký phát hồi phiếu, ký tên vào hồi phiếu, nhưng hồi phiếu có được chấp nhận hay không lại là vấn đề khác. Ký hậu được ghi ở mặt sau của hồi phiếu dưới 4 hình thức sau đây:

*Ký hậu trắng (Blank endorsement)* là việc ký hậu không chỉ định người được hưởng quyền lợi hồi phiếu do thủ tục ký hậu mang lại. Người ký hậu chỉ ký tên ở mặt sau của hồi phiếu hoặc nếu có ghi thì chỉ ghi chung chung như “trả cho..”. Với cách ký hậu này, người nào cầm hồi phiếu sẽ trở thành người được hưởng quyền lợi hồi phiếu và việc chuyển nhượng kế tiếp của người cầm phiếu này không cần phải ký hậu nữa, chỉ cần trao tay là đủ. Người cầm phiếu có thể chuyển hình thức ký hậu trắng này sang hình thức ký hậu khác bằng cách ghi thêm câu “trả theo lệnh ông X” nếu là ký hậu theo lệnh hoặc “chi trả cho ông X” nếu là ký hậu hạn chế v.v.

*Ký hậu theo lệnh (To order endorsement)* là việc ký hậu chỉ định một cách suy đoán ra người hưởng lợi hồi phiếu do thủ tục ký hậu mang lại. Người ký hậu chỉ cần ghi câu “trả theo lệnh ông X” và ký tên. Như vậy, người hưởng lợi hồi

phiếu này chưa được quy định rõ ràng, cần phải suy đoán ý của ông X. Nếu ông X ra lệnh trả cho một người khác thì người đó sẽ trở thành người hưởng lợi hối phiếu, nếu ông X im lặng thì người hưởng lợi hối phiếu đương nhiên là ông X. Với cách ký hậu này, hối phiếu sẽ được chuyển nhượng kế tiếp nhau đến khi nào người hưởng lợi cuối cùng không ký hậu chuyển nhượng nữa nhưng phải trước khi hối phiếu đến hạn trả tiền. Vì vậy, ký hậu theo lệnh là loại ký hậu rất thông dụng trong thanh toán quốc tế.

*Ký hậu hạn chế* (Restrictive endorsement) là việc ký hậu chỉ định rõ ràng người được hưởng lợi hối phiếu và chỉ người đó mà thôi. Người ký hậu ghi câu “chỉ trả cho ông X” và ký tên. Đối với loại ký hậu này, chỉ có ông X mới nhận được tiền của hối phiếu, do đó ông X không thể chuyển nhượng tiếp hối phiếu này cho người khác bằng thủ tục ký hậu nữa.

*Ký hậu miễn truy đòi* (Without recourse endorsement) là việc ký hậu mà người ký hậu ghi thêm câu “Miễn truy đòi người ký hậu” cùng với một trong ba loại ký hậu nêu trên. Ví dụ” “trả theo lệnh ông X, miễn truy đòi” và ký tên. Đối với loại ký hậu này, trong trường hợp này, một khi hối phiếu bị từ chối trả tiền thì ông X không được truy đòi lại tiền của người ký hậu trực tiếp của mình. Nếu hối phiếu có nhiều người ký hậu theo lệnh đều ghi chữ “miễn truy đòi” vào chỗ ký hậu của mình, còn có một hay nhiều người không ghi chữ “miễn truy đòi” thì đương nhiên những người này không được hưởng quyền miễn truy đòi nên nếu như hối phiếu bị từ chối thanh toán thì họ phải đứng ra thanh toán cho người hưởng lợi kế tiếp. Ký hậu miễn truy đòi cũng là một loại ký hậu được sử dụng nhiều trong thanh toán quốc tế.

- *Bảo lãnh hối phiếu (Aval):*

Bảo lãnh hối phiếu là sự cam kết của người thứ ba trả tiền cho người hưởng lợi khi hối phiếu đến kỳ trả tiền. Hình thức văn tự thông thường của sự bảo lãnh được ghi bằng chữ “bảo lãnh” và người bảo lãnh ký tên. Theo luật ULB không quy định nơi ký bảo lãnh ở mặt trước hay mặt sau của tờ hối phiếu. Để tránh nhầm lẫn với chữ ký chấp nhận hoặc chữ ký hậu của người chuyển nhượng, hình thức bảo lãnh phải được ghi như nói ở trên.

Ngoài hình thức bảo lãnh theo ULB quy định, một số nước dùng hình thức bảo lãnh bằng một văn thư riêng biệt thường gọi là bảo lãnh mật. Sở dĩ có hình thức này là do người trả tiền không muốn người thứ ba biết đến tình hình tài chính của mình đến mức phải bảo lãnh, nếu sự bảo lãnh được ghi ngay trên hối phiếu. Hình thức thư tín dụng cũng là một hình thức “bảo lãnh riêng biệt” đối với hối phiếu nằm trong bộ chứng từ thanh toán của phương thức tín dụng chứng từ. Hình thức bảo lãnh được ghi trên hối phiếu ở câu “theo L/C số.. mở ngày .. “ “gửi ngân hàng mở L/C..” . Người xuất khẩu sau khi giao hàng lập một hối phiếu theo đúng yêu cầu của L/C cách và lập bộ chứng từ thanh toán đầy đủ

và phù hợp với L/C xuất trình trong thời hạn hiệu lực của L/C thì chắc chắn rằng hối phiếu đó sẽ được ngân hàng mở L/C trả tiền.

- *Từ chối trả tiền hối phiếu - kháng nghị (Protest):*

Khi đến hạn trả tiền của hối phiếu mà người trả tiền từ chối thì người hưởng lợi phải chứng thực sự từ chối đó bằng một văn bản kháng nghị. Bản kháng nghị do người hưởng lợi lập ra trong thời hạn 2 ngày làm việc liên tiếp sau ngày hết hạn của hối phiếu. Sau khi lập bản kháng nghị, trong vòng 4 ngày làm việc, người bị từ chối trả tiền phải báo cho người chuyển nhượng trực tiếp để đòi tiền hoặc có thể đòi tiền bất cứ người nào đã ký hậu chuyển nhượng hối phiếu hoặc đòi người ký phát hối phiếu. Nếu không có bản kháng nghị về việc từ chối trả tiền thì người được chuyển nhượng được miễn trách nhiệm trả tiền hối phiếu, nhưng người ký phát và người chấp nhận phải chịu trách nhiệm này đối với người kháng nghị.

Trên thực tế người ta thường làm như sau:

Ví dụ A là người ký phát hối phiếu, B, C, D là những người được chuyển nhượng tiếp theo, D là người được chuyển nhượng cuối cùng. E là người phải trả tiền hối phiếu. Khi D bị E từ chối trả tiền, D sẽ làm thủ tục kháng nghị, chuyển hối phiếu đòi tiền C kèm theo một bản tính tiền gồm số tiền của hối phiếu, chi phí làm thủ tục kháng nghị và các chi phí khác. C hoàn trả cho D và truy đòi ngược lại B, và cứ như vậy cho đến A. Cuối cùng A trực tiếp đòi tiền người mắc nợ.

- *Chiết khấu hối phiếu (Discount):*

Chiết khấu hối phiếu là một hành vi mà người sở hữu hối phiếu nhượng lại hối phiếu cho người khác để lấy tiền đối với hối phiếu chưa đến kỳ hạn thanh toán và luôn luôn dưới mệnh giá của hối phiếu.

Số tiền chiết khấu tùy thuộc vào lãi suất chiết khấu và kỳ hạn còn lại của hối phiếu. Nếu lãi suất chiết khấu thấp và kỳ hạn còn lại của hối phiếu ngắn thì số tiền chiết khấu nhỏ và ngược lại.

$$\text{Số tiền chiết khấu} = \frac{\text{Mệnh giá hối phiếu}}{1 + \text{Lãi suất chiết khấu}} \times \text{Kỳ hạn còn lại của hối phiếu}$$

Lãi suất chiết khấu được xác định như sau:

$$I_0 = [I_1 / (1 + I_1)]$$

Trong đó:

$I_0$  là lãi suất chiết khấu

$I_1$  là lãi suất cho vay thông thường

Ví dụ lãi suất cho vay thông thường là 15%/năm, thì lãi suất chiết khấu sẽ là:

$$I_0 = [15\% / (1 + 15\%)] = 13\%/năm$$

Ví dụ: Một hối phiếu với mệnh giá là 100.000USD. Kỳ hạn còn lại của hối phiếu là 3 tháng. Lãi suất chiết khấu là 13%/năm, vậy số tiền chiết khấu sẽ là:

$100.000 \times (13 \times 3) / (100 \times 12) = 3.250\text{USD}$ .

Vậy giá bán của hối phiếu là:  $100.000 - 3.250 = 96.750\text{USD}$

#### 1.1.5. Các loại hối phiếu

\* Căn cứ vào thời hạn trả tiền của hối phiếu, người ta chia hối phiếu làm 3 loại:

*Hối phiếu trả tiền ngay:* Người trả tiền khi nhìn thấy hối phiếu này do người cầm phiếu xuất trình thì phải trả tiền ngay cho họ.

*Hối phiếu trả tiền ngay sau một số ngày nhất định,* thường là trả tiền sau 5 - 7 ngày: Người trả tiền khi nhìn thấy hối phiếu này do người cầm phiếu xuất trình thì tiến hành ký chấp nhận trả tiền, sau đó từ 5 - 7 ngày thì trả tiền tờ hối phiếu đó.

*Hối phiếu có kỳ hạn:* Sau một thời gian nhất định ghi trên hối phiếu, người trả tiền phải trả hoặc tính từ ngày ký phát hối phiếu hoặc tính từ ngày chấp nhận hối phiếu hoặc từ một ngày quy định cụ thể.

\* Căn cứ vào hối phiếu có kèm theo chứng từ hay không, có thể chia hối phiếu làm 2 loại:

*Hối phiếu trơn:* Loại này được gửi đến đòi tiền người trả tiền không kèm theo chứng từ thương mại. Trong thanh toán quốc tế, hối phiếu này dùng để thu tiền cước phí vận chuyển, bảo hiểm, hoa hồng v.v.. hoặc dùng để đòi tiền mua hàng của những thương nhân nhập khẩu tin cậy.

*Hối phiếu kèm chứng từ:* Loại hối phiếu này được gửi đến cho người nhập khẩu có kèm chứng từ thương mại. Hối phiếu kèm chứng từ có hai loại: Loại hối phiếu kèm chứng từ trả tiền ngay và loại hối phiếu kèm chứng từ có chấp nhận.

\* Căn cứ vào tính chất chuyển nhượng của hối phiếu có thể chia hối phiếu làm 2 loại:

*Hối phiếu đích danh:* Là loại hối phiếu ghi rõ họ tên người hưởng lợi hối phiếu không kèm theo điều khoản theo lệnh. Ví dụ: Hối phiếu ghi như sau “Sau khi nhìn thấy hối phiếu này, trả cho ông X một số tiền là ..”. Hối phiếu đích danh không chuyển nhượng được bằng thủ tục ký hậu theo luật định.

*Hối phiếu theo lệnh:* Là loại hối phiếu ghi trả theo lệnh của người hưởng lợi hối phiếu. Ví dụ ghi như sau: “Sau khi nhìn thấy hối phiếu này, trả theo lệnh của ông X một số tiền là ..”. Hối phiếu theo lệnh chuyển nhượng được theo hình thức ký hậu theo luật định. Nó được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế.

\* Căn cứ vào người ký phát hối phiếu, người ta chia hối phiếu làm 2 loại:

*Hối phiếu thương mại* là hối phiếu do người xuất khẩu ký phát đòi tiền người nhập khẩu trong nghiệp vụ về thanh toán hàng hóa xuất khẩu hoặc cung cấp lao vụ lẫn nhau.

*Hối phiếu ngân hàng* là hối phiếu do ngân hàng phát hành ra lệnh cho ngân hàng đại lý của mình thanh toán một số tiền nhất định cho người hưởng lợi chỉ định trên hối phiếu.

### 1.2 Séc (Check)

### 1.2.1. Khái niệm:

Séc là lệnh trả tiền vô điều kiện của người phát hành lập trên mẫu in sẵn do NHNN Việt Nam quy định, yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trích một số tiền từ tài khoản tiền gửi của mình để trả cho người thụ hưởng có tên ghi trên séc hoặc trả cho người cầm séc.

Séc là công cụ lưu thông tín dụng được sử dụng rộng rãi (tổ chức và các cá nhân) ở tất cả các nước trên thế giới, quy tắc sử dụng séc đã được chuẩn hóa trên luật thương mại quốc gia và trên công ước quốc tế.

Séc được dùng để thanh toán trực tiếp tiền hàng hoá, dịch vụ giữa người mua (người chi trả) và người bán (người thụ hưởng), nộp thuế trả nợ... hoặc để rút tiền mặt tại các chi nhánh Ngân hàng. Tất cả khách hàng mở tài khoản tại Ngân hàng đều có quyền sử dụng séc để thanh toán. Trong hình thức thanh toán bằng séc, việc trả tiền do người trả tiền khởi xướng và kết thúc bằng việc ghi số tiền trên tờ séc vào tài khoản của người nhận tiền.

Người có tiền mở tại ngân hàng một tài khoản, ngân hàng sẽ cấp cho người gửi tiền một quyển séc. Mỗi lần muốn rút tiền ra thì lập một tờ séc đưa đến ngân hàng để lĩnh tiền.

Séc là một phương tiện thanh toán được sử dụng rộng rãi trong các nước có hệ thống ngân hàng phát triển cao. Hiện nay séc là phương tiện chi trả được dùng hầu như phổ biến trong thanh toán nội địa của tất cả các nước. Séc cũng được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế về hàng hóa, cung cấp lao vụ, du lịch và về các chi trả phi mậu dịch khác.

*Séc là một tờ mệnh lệnh vô điều kiện của người chủ tài khoản ra lệnh cho ngân hàng trích từ tài khoản của mình để trả cho người có tên trong séc, hoặc trả theo lệnh của người ấy hoặc trả cho người cầm séc một số tiền nhất định bằng tiền mặt hay chuyển khoản.*

Séc có giá trị thanh toán trực tiếp như tiền tệ, do vậy nó phải có những quy định về nội dung và hình thức theo luật định.

### 1.2.2. Nội dung của tờ séc:

Theo công ước Genève năm 1931 được nhiều nước áp dụng, một tờ séc cần ghi đủ những điều sau đây:

*Tiêu đề của séc:* Một lệnh trả tiền muốn được coi là séc thì phải có tiêu đề SÉC ghi trên tờ lệnh đó. Vì séc là lệnh nên khi ngân hàng nhận được séc sẽ phải chấp nhận vô điều kiện lệnh này, trừ trường hợp tài khoản phát hành séc không còn tiền hoặc tờ séc không đầy đủ tính chất pháp lý.

*Địa điểm và ngày tháng năm phát hành séc:* Đây là một yếu tố quan trọng để xác định thời hạn thanh toán của tờ séc cũng như là căn cứ để giải quyết các tranh chấp nếu có xảy ra giữa các bên liên quan đến séc.

*Số tiền ghi trên séc* phải rõ ràng, phải vừa ghi bằng số vừa ghi bằng chữ khớp nhau, có ký hiệu tiền tệ.

*Tên địa chỉ của người yêu cầu trích tài khoản, tài khoản được trích trả, ngân hàng trả tiền, tên địa chỉ của người hưởng số tiền trên séc, chữ ký của người phát hành séc.* Nếu là tổ chức thì phải có chữ ký của chủ tài khoản, kế toán trưởng và dấu của tổ chức đó (nếu có).

Các yếu tố trên đây phải được ghi rõ ràng, chính xác tuyệt đối, không tẩy xóa và phải được ghi cùng một loại chữ, một thứ mực, không được ghi bằng mực đỏ. Điều cơ bản trong phát hành séc là người phát hành séc phải có tiền trên tài khoản mở tại ngân hàng, số tiền trên tờ séc không vượt quá số dư có trên tài khoản ở ngân hàng. Séc có thể phát hành để trả tiền cho một tổ chức, một cá nhân hoặc nhiều người, séc cũng có thể do một ngân hàng này phát hành trả tiền cho một ngân hàng khác.

Séc thường được in sẵn theo mẫu có những dòng để trống để người phát hành séc điền vào.

Ngày nay, rất nhiều ngân hàng trên thế giới dùng máy in nhiều màu số tiền, ký hiệu tiền, số tiền bằng số, bằng chữ lên chỗ trống của tờ séc.

### *1.2.3. Thời hạn hiệu lực của séc:*

Đặc điểm của séc là có tính thời hạn, tức là tờ séc chỉ có giá trị tiền tệ hoặc thanh toán nếu thời hạn hiệu lực của nó chưa hết đối với séc thương mại. Thời hạn hiệu lực của tờ séc được ghi rõ trên tờ séc và tùy thuộc vào phạm vi không gian mà séc lưu hành và luật pháp các nước quy định. Nói chung séc lưu hành trong nội địa thời gian ngắn hơn lưu hành trong thanh toán quốc tế.

Séc trả tiền ngay, thời hạn hiệu lực là 8 ngày làm việc kể từ ngày phát hành séc, nếu là séc lưu hành trong nước, thời hạn hiệu lực là 20 ngày làm việc nếu lưu thông ngoài nước trong cùng một châu, là 70 ngày nếu séc được trả ở một nước không cùng châu. Quá thời hạn trên nếu séc không quay trở lại ngân hàng thì séc sẽ mất hiệu lực. Đối với séc du lịch thì không quy định thời hạn hiệu lực. Ở Việt Nam, thời hạn thanh toán séc là 15 ngày kể từ ngày ký phát séc.

Có thể nói, phương tiện thanh toán bằng séc đã xuất hiện ở Việt Nam từ đầu thế kỷ 20, khi có sự xuất hiện của người Pháp ở Việt Nam. Tuy nhiên vào thời điểm đó, chỉ có những người có địa vị trong xã hội và một số tầng lớp thượng lưu mới được mở tài khoản tại ngân hàng và sử dụng séc. Những người dân bình thường chưa tiếp cận với loại phương tiện thanh toán này. Sau này, với sự phát triển ngày càng nhanh của thương mại quốc tế, nhất là sau thời kỳ kinh tế mở của nước ta từ những năm 1990 và cải cách mạnh mẽ trong lĩnh vực ngân hàng, các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt đã ngày càng mở rộng và hiện nay séc cũng đã được sử dụng khá phổ biến. Tuy nhiên, đối tượng sử dụng séc chủ yếu vẫn là những pháp nhân, những cá nhân vẫn còn sử dụng hầu hết là thanh toán bằng tiền mặt.

Một số lưu ý về thời hạn sử dụng séc:

- Người ký phát không tuân thủ quy định thì phải bồi thường thiệt hại cho người thụ hưởng, tối đa bằng tiền lãi của số tiền ghi trên séc tính từ ngày séc được xuất trình để thanh toán theo mức lãi suất phạt chậm trả séc theo quy định áp dụng tại thời điểm xuất trình séc

- Trường hợp séc được xuất trình để thanh toán trước ngày ghi là ngày ký phát trên séc thì việc thanh toán chỉ được thực hiện kể từ ngày ký phát ghi trên séc.

- Séc được xuất trình sau thời hạn xuất trình để thanh toán nhưng chưa quá sáu tháng kể từ ngày ký phát thì người bị ký phát vẫn có thể thanh toán nếu người bị ký phát không nhận được thông báo đình chỉ thanh toán đối với séc đó và người ký phát có đủ tiền trên tài khoản để thanh toán.

- Khi thanh toán một phần số tiền ghi trên séc, người bị ký phát phải ghi rõ số tiền đã được thanh toán trên séc và trả lại séc cho người thụ hưởng hoặc người được người thụ hưởng ủy quyền. Người thụ hưởng hoặc người được người thụ hưởng ủy quyền phải lập văn bản biên nhận về việc thanh toán đó và giao cho người bị ký phát.

- Văn bản biên nhận trong trường hợp này được coi là văn bản chứng minh việc người ký phát đã thanh toán một phần số tiền ghi trên séc.

- Trường hợp séc được xuất trình để thanh toán sau khi người ký phát bị tuyên bố phá sản, giải thể, chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì séc vẫn có hiệu lực thanh toán.

- Việc thanh toán séc chậm dứt sau sáu tháng, kể từ ngày ký phát ghi trên séc.

#### *1.2.4. Những người liên quan đến séc:*

Những người liên quan đến việc phát hành và sử dụng séc thường bao gồm người ký phát séc, người hưởng lợi séc và ngân hàng thanh toán séc. Người phát ra séc để trả nợ gọi là người phát hành séc. Ngân hàng thanh toán là người trả tiền cho người hưởng lợi từ séc. Người nhận tiền là người hưởng lợi từ séc. Sau khi séc được phát hành, người có quyền hưởng lợi từ séc gọi là người cầm séc. Séc có thể chuyển nhượng cho nhiều người liên tiếp bằng phương pháp ký hậu trong thời hạn hiệu lực của séc.

Ký hậu có 2 ý nghĩa. *Thứ nhất*, ký hậu chứng nhận việc chuyển giao quyền hưởng séc cho một người khác. *Thứ hai*, ký hậu xác nhận trách nhiệm của người chuyển nhượng đối với tất cả những người cầm giữ tờ séc sau đó về việc trả tiền đối với tờ séc. Tuy nhiên người chuyển nhượng séc có thể thoái thác trách nhiệm này bằng cách ghi thêm một điều kiện về bảo lưu cùng với chữ ký hậu “không được truy đòi”. Việc ký hậu séc chỉ được thực hiện đối với loại séc theo lệnh.

#### *1.2.5. Trách nhiệm kiểm tra của ngân hàng thanh toán:*

Đây là một công việc quan trọng và cần thiết và cần tập trung vào các nội dung sau:

*Thứ nhất*, tài khoản của người phát hành séc có phù hợp với chữ ký đăng ký tại ngân hàng hay không

*Thứ hai*, cần kiểm tra cẩn thận tính chất hợp pháp của người xuất trình séc

Đối với séc đích danh cần phải kiểm tra chứng minh nhân dân, ký hậu chuyển nhượng đối với séc để trông cần kiểm tra, tình trạng séc có bị cầm thanh toán hay không.

Sau khi kiểm tra, ngân hàng có thể từ chối thanh toán khi tài khoản không đủ tiền và quá thời hạn xuất trình séc ngân hàng buộc phải từ chối thanh toán khi có sự phản đối của người phát hành séc và người xuất trình séc có chứng cứ là không được ủy quyền. Nếu ngân hàng từ chối thanh toán tờ séc phải trả lại tờ séc cho người hưởng lợi tờ séc và ghi rõ lý do tại sao từ chối.

#### 1.2.6. Phân loại séc:

Có thể phân loại séc theo nhiều tiêu chí khác nhau. Thông thường séc được phân loại dựa trên tính chất chuyển nhượng của nó, căn cứ vào cách thanh toán séc và căn cứ vào người phát hành séc.

\* *Căn cứ vào tính chất chuyển nhượng séc được chia làm 4 loại sau đây:*

*Séc ghi tên* là loại séc ghi rõ họ tên người hưởng lợi. Loại séc này không thể chuyển nhượng bằng thủ tục ký hậu, chỉ có người hưởng lợi được ghi trên séc mới được lĩnh tiền ở ngân hàng.

*Séc vô danh* là loại séc không ghi tên người hưởng lợi, chỉ ghi câu “trả cho người cầm séc”. Bất cứ ai cầm séc này cũng có thể lĩnh tiền ở ngân hàng, vì vậy không cần qua thủ tục ký hậu séc vẫn có thể chuyển nhượng bằng hình thức trao tay. Nếu để mất séc coi như mất tiền. Loại này dùng để nhận tiền mặt.

*Séc theo lệnh* là loại séc ghi trả theo lệnh của người hưởng lợi ghi trên tờ séc đó. Trên tờ séc ghi “yêu cầu trả theo lệnh của ông X”. Loại này có thể chuyển nhượng được bằng thủ tục ký hậu như cách ký hậu của hồi phiếu.

*Séc theo lệnh nhưng không được chuyển nhượng* bằng cách ký hậu là loại séc có ghi tên người hưởng lợi nhưng ghi thêm điều kiện là không theo lệnh của người hưởng lợi này. Đối với loại séc này, việc chuyển giao cho người khác phải thông qua xác nhận chuyển nhượng bằng một văn bản kèm theo.

\* *Căn cứ vào cách thanh toán séc có thể chia làm 2 loại:*

*Séc chuyển khoản* là loại séc mà người ký phát séc ra lệnh cho ngân hàng trích tiền từ tài khoản của mình để chuyển trả sang một tài khoản khác của một người khác trong hoặc khác ngân hàng. Séc chuyển khoản không thể chuyển nhượng được và không thể lĩnh tiền mặt được.

*Séc tiền mặt:* là loại séc mà ngân hàng thanh toán sẽ trả tiền mặt và người phát hành séc phải chịu rủi ro khi bị mất séc hoặc bị đánh cắp. Người cầm séc không cần sự ủy quyền cũng lĩnh được tiền.

\* *Căn cứ vào người phát hành séc được chia làm hai loại:*

*Séc cá nhân*: được sử dụng để nhận tiền tại ngân hàng của nhà nhập khẩu. Thuận lợi cơ bản đối với người nhập khẩu là họ được hưởng lợi cho đến khi séc xuất trình tại ngân hàng của nhà nhập khẩu. Tuy nhiên, trong trường hợp này nhà nhập khẩu cũng phải chịu rủi ro khi tỷ giá ngoại tệ tăng. Tuy nhiên séc loại này không được an toàn khi sử dụng trong thanh toán quốc tế.

*Séc bảo chi của ngân hàng hay séc xác nhận*: Loại séc này bảo đảm an toàn hơn trong thanh toán quốc tế và sử dụng thuận lợi hơn.

Ngoài ba cách phân loại séc nêu trên, còn có các loại *séc đặc biệt như séc du lịch, séc gạch chéo, séc tài khoản của người hưởng lợi*.

*Séc du lịch* là loại séc do ngân hàng phát hành và được trả tiền tại bất cứ một chi nhánh hay đại lý của ngân hàng đó. Ngân hàng phát séc đồng thời cũng là ngân hàng trả tiền. Người hưởng lợi là khách du lịch có tiền tại ngân hàng phát séc. Trên séc du lịch phải có chữ ký của người hưởng lợi. Khi lĩnh tiền tại ngân hàng được chỉ định, người hưởng lợi phải ký tại chỗ để ngân hàng kiểm tra, nếu đúng, ngân hàng mới trả tiền. Thời gian của séc du lịch có hiệu lực do ngân hàng phát séc và người hưởng lợi thỏa thuận, có thể có hạn và có thể vô hạn. Trên séc du lịch có ghi rõ khu vực các ngân hàng trả tiền, ngoài khu vực đó, séc không có giá trị lĩnh tiền.

Có 2 đặc điểm phân biệt séc du lịch với séc thông thường, đó là séc có mệnh giá được in trên mặt séc và séc du lịch phải được trả bằng tiền mặt khi phát hành.

*Séc gạch chéo* là loại séc trên mặt trước của nó có hai gạch chéo song song với nhau. Séc gạch chéo không thể dùng để rút tiền mặt, thường được dùng để chuyển khoản qua ngân hàng. Séc loại này do người hưởng lợi séc gạch chéo bằng hai cách: (1) Séc gạch chéo thường tức là gạch chéo không tên tức là giữa hai gạch song song không ghi tên ngân hàng lĩnh hộ tiền và (2) séc gạch chéo đặc biệt, gạch chéo có ghi tên tức là giữa hai gạch song song có ghi tên một ngân hàng nào đó. Trong cách ghi này chỉ có ngân hàng đó mới có quyền lĩnh hộ tiền mà thôi. Gạch chéo không tên có thể trở thành gạch chéo có tên. Ngược lại, gạch chéo có tên không thể chuyển thành gạch chéo không tên. Mục đích của séc gạch chéo là tránh dùng séc rút tiền mặt và nếu séc gạch chéo có tên ngân hàng thì có nghĩa là người hưởng lợi séc chính thức nhờ ngân hàng đó lĩnh hộ tiền cho mình và chỉ có ngân hàng ấy mà thôi.

*Séc tài khoản của người hưởng lợi*: Là loại séc mà người hưởng lợi không muốn ngân hàng trả tiền mặt mà muốn trả bằng chuyển khoản ghi vào tài khoản của người hưởng lợi với một câu ghi ngang qua tờ séc "Trả vào tài khoản" hoặc "chỉ ghi vào tài khoản của người hưởng lợi"

### **1.3. Kỳ phiếu**

#### **1.3.1. Khái niệm**

Kỳ phiếu là một văn bản có nội dung cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập phiếu phát ra, hứa trả một số tiền nhất định cho người hưởng lợi hoặc theo lệnh của người này trả cho người khác quy định trong kỳ phiếu đó.

Kỳ phiếu cần có sự bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính để đảm bảo khả năng thanh toán của kỳ phiếu. Kỳ phiếu được quy định cụ thể như sau:

Nói cách khác, kỳ phiếu là giấy chứng nhận nợ, hứa cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập phiếu phát ra, trả một số tiền nhất định cho người được hưởng lợi hoặc theo lệnh của người này trả cho người khác được quy định trong giấy đó. Kì hạn của kì phiếu phải được quy định rõ ràng trong kì phiếu. Kỳ phiếu có thể do một hoặc nhiều người kí phát để cam kết trả tiền cho một hoặc nhiều người hưởng lợi. Thông thường, kì phiếu phải có sự bảo lãnh của ngân hàng thương mại hoặc công ti tài chính. Kỳ phiếu thường được dùng làm phương tiện thanh toán trong các quan hệ quốc tế.

Việc phân biệt để hiểu kỳ phiếu ngân hàng là gì so với các hình thức cổ phiếu, trái phiếu... thì chúng ta cần phải nhìn vào những đặc điểm chính của nó.

### **1.3.2. Các đặc điểm khác của kỳ phiếu**

\* Kỳ phiếu có tính trừu tượng

Kỳ phiếu có những đặc điểm rất trừu tượng dễ nhận biết. Đơn cử như: kỳ phiếu không ghi rõ lý do phát sinh số nợ mà chỉ ghi thông tin người vay đó phải trả cho người lập phiếu số tiền là bao nhiêu, vào khoảng thời gian nào.

\* Kỳ phiếu có tính chất bất khả kháng

Tính chất bất khả kháng được thể hiện ở điểm người trả nợ không thể viện bất cứ lý do nào để từ chối không trả nợ. Việc này áp dụng kể cả khi người nợ chưa nhận được hàng hóa hay hàng hóa không phù hợp với điều kiện của kỳ phiếu đã ký.

\* Kỳ phiếu có tính lưu thông

Kỳ phiếu dễ dàng có thể được chuyển từ người sở hữu này sang người sở hữu khác bằng chữ ký chuyển nhượng rất đơn giản. Kỳ phiếu chuyển nhượng thường là lệnh cho người đi vay phải trả một khoản tiền cho người thứ ba hay người lập lệnh đó.

Ngoài 3 đặc điểm trên thì kỳ phiếu còn có các đặc điểm sau:

- Kỳ phiếu là công cụ hứa trả tiền và khả năng thanh toán của kỳ phiếu hoàn toàn phụ thuộc Người phát hành ra nó. Vì vậy, muốn lưu thông dễ dàng thì kỳ phiếu phải có người thứ 3 đứng ra bảo lãnh thanh toán, trừ trường hợp người lập phiếu có uy tín lớn về tài chính
- Được thanh toán theo yêu cầu hoặc vào 1 thời điểm nhất định
- Kỳ phiếu là công cụ hứa trả tiền vô điều kiện do con nợ viết ra để hứa trả một số tiền nhất định cho chủ nợ. Vì vậy trong lưu thông kỳ phiếu không phát sinh yêu cầu chấp nhận thanh toán kỳ phiếu

- Người lập phiếu phải phát hành kỳ phiếu hứa trả tiền trước khi người thụ hưởng kỳ phiếu thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng giao dịch cơ sở. Sau khi thực hiện nghĩa vụ, người thụ hưởng mới ủy thác cho ngân hàng thu tiền của kỳ phiếu từ người lập phiếu.

### **1.3.3. Nội dung kỳ phiếu**

Thông thường kỳ phiếu gồm những nội dung chính sau đây:

- Cam kết trả một số tiền nhất định một cách vô điều kiện;
- Thời hạn trả tiền;
- Địa điểm trả tiền;
- Tên họ người thụ hưởng;
- Địa điểm, ngày ký phát hồi phiếu;
- Chữ ký của người ký phát lệnh phiếu.

### **1.3.4. Tổ chức nào phát hành kỳ phiếu**

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2010 quy định cụ thể như sau:

Kỳ phiếu chỉ có thể phát hành bởi một trong số các tổ chức sau: tổ ngân hàng, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nói cách khác, giữa hai cá nhân, một cá nhân không thể phát hành kỳ phiếu với cá nhân khác – người đang có nghĩa vụ trả nợ cho mình. Giấy tờ chứng minh nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp, cá nhân vay tiền cá nhân là hợp đồng vay tiền được xác lập giữa hai cá nhân đó. Hợp đồng này có thể được công chứng, chứng thực nếu hai bên có thỏa thuận.

### **1.3.5. Những lợi ích khi đầu tư kỳ phiếu ngân hàng là gì**

Lý do của những ngân hàng, doanh nghiệp... lập ra kỳ phiếu ngân hàng là phục vụ mục đích huy động vốn nhanh chóng. Vậy những lợi ích của đầu tư kỳ phiếu ngân hàng là gì?

Lãi suất cao: Để có thể thu hút vốn trung hạn và dài hạn nên để thu hút người mua, lãi suất của kỳ phiếu thường cao hơn so với lãi suất gửi tiết kiệm từ 1% đến 1,5%. Chuyển nhượng kỳ phiếu linh hoạt: Kỳ phiếu có thể chuyển nhượng từ người này đến người khác hết sức linh động. Có thể trao đổi chúng bằng những hình thức: mua bán, thừa kế, trao đổi... mà không hạn chế bất kỳ đối tượng nào.

Lãi suất cầm cố kỳ phiếu ưu đãi: Trong trường hợp bạn có nhu cầu sử dụng vốn khi chưa đến hạn, khách hàng có thể cầm cố kỳ phiếu tại ngân hàng để tiếp cận khoản vay. Cầm cố kỳ phiếu sẽ có mức lãi suất thấp hơn so với cầm cố các giấy tờ khác.

Do đó, việc đầu tư kỳ phiếu là một lựa chọn sáng suốt, đặc biệt là cho các cá nhân, doanh nghiệp.

### **1.3.6. Thực trạng phát hành kỳ phiếu tại các ngân hàng ở Việt Nam**

Phát hành kỳ phiếu tại các ngân hàng ở Việt Nam ngày càng diễn ra sôi động hơn.

Vào năm 2002, ngân hàng Vietcombank đã phát hành kỳ phiếu đô la Mỹ thời hạn 364 ngày. Với nhiều kỳ hạn hấp dẫn với mức lãi suất 2,4%/năm.

## **2. Điều kiện thời gian thanh toán**

### **2.1. Thời gian trả tiền trước**

Trả tiền trước là việc bên nhập khẩu trả cho bên xuất khẩu toàn bộ hay một phần tiền hàng sau khi hai bên ký kết hợp đồng hoặc sau khi bên xuất khẩu chấp nhận đơn đặt hàng của bên nhập khẩu;

### **2.2. Thời gian trả tiền ngay**

Trả tiền ngay là việc người nhập khẩu trả tiền sau khi người xuất khẩu hoàn thành nghĩa vụ giao hàng trên phương tiện vận tải tại nơi quy định hoặc sau khi người nhập khẩu nhận được hàng tại nơi quy định;

### **2.3. Thời gian trả tiền sau**

Trả tiền sau là việc người nhập khẩu trả tiền cho người xuất khẩu sau một khoảng thời gian nhất định kể từ khi giao hàng.

## **3. Điều kiện về phương thức thanh toán**

### **3.1. Phương thức chuyển tiền**

Trong các phương thức thanh toán quốc tế thì phương thức này gây ra không ít rủi ro cho hai bên. Nhà nhập khẩu yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho nhà xuất khẩu (người hưởng lợi) ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do nhà nhập khẩu quy định.

Trên thực tế có nhiều trường hợp nhà nhập khẩu sẽ không chuyển tiền hàng cho nhà xuất khẩu cho đến khi nhận đầy đủ hàng. Đây là một lợi thế của nhà nhập khẩu nhưng lại là rủi ro của nhà xuất khẩu khi hàng hóa đã được chuyển giao nhưng tiền hàng không được thanh toán, bị chậm trễ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ. Tuy vậy, bên nhập khẩu cũng có thể gánh chịu rủi ro, đặc biệt trong trường hợp chuyển tiền trước khi giao hàng như: nhận toàn bộ tiền hàng trước khi giao hàng, đặt cọc, tạm ứng,...

#### **Để phòng ngừa rủi ro các bên nên:**

- Xây dựng rõ lộ trình chuyển tiền

*Ví dụ:* chuyển trước bao nhiêu % tại thời điểm nào? Thanh toán nốt phần còn lại tại thời điểm nào?...

- Thỏa thuận thời điểm chuyển tiền trùng với thời điểm giao hàng.
- Quy định rõ về phương tiện chuyển tiền, chi phí chuyển tiền ai chịu?

### **3.2. Phương thức ghi sổ**

Phương thức này áp dụng trong mua bán hàng hóa quốc tế như sau: Nhà xuất khẩu (người ghi sổ) sau khi hoàn thành nghĩa vụ của mình (thường là nghĩa vụ giao hàng) quy định trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (hợp đồng cơ sở) sẽ mở một quyển sổ nợ để ghi nợ. Nhà nhập khẩu (người được ghi sổ), bằng một

đơn vị tiền tệ nhất định và đến từng định kỳ nhất định do hai bên thỏa thuận, sử dụng phương thức chuyển tiền thanh toán cho người ghi sổ.

Phương thức này hoàn toàn có lợi cho nhà nhập khẩu (người được ghi sổ). Nhà xuất khẩu sẽ phải gánh chịu rủi ro khi bên nhập khẩu không thanh toán hoặc chậm trễ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ.

Để hạn chế rủi ro, chỉ áp dụng phương thức này khi cả hai bên là các bạn hàng có mối quan hệ làm ăn lâu dài, thực sự tin cậy lẫn nhau. Và để đảm bảo an toàn cho nhà xuất khẩu, các bên có thể áp dụng biện pháp bảo đảm như thư bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng dự phòng, đặt cọc,...

### **3.3. Phương thức nhờ thu**

Phương thức nhờ thu là phương thức thanh toán mà bên có các khoản tiền từ các công cụ thanh toán (chủ nợ) ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ghi trên công cụ thanh toán đó từ phía người nợ.

Các công cụ thanh toán quốc tế thường gồm: hối phiếu (bill of exchange); kỳ phiếu thương mại (Promissory Note), séc quốc tế (International cheque), hóa đơn thu tiền (Financial Invoice).

Có hai phương thức nhờ thu là nhờ thu trơn và nhờ thu kèm chứng từ:

#### **- Phương thức nhờ thu trơn (clean collection)**

Nhờ thu trơn là một trong các phương thức thanh toán quốc tế áp dụng trong hợp mua bán hàng hóa ngoài nước mà trong đó nhà xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ghi trên công cụ thanh toán mà không kèm với điều kiện chuyển giao chứng từ.

Trong quy trình nghiệp vụ của phương thức thanh toán này có một đặc điểm liên quan đến lợi ích của nhà xuất khẩu, cần đặc biệt lưu ý:

Nhà xuất khẩu giao hàng và gửi trực tiếp chứng từ cho nhà nhập khẩu, thông thường hoạt động này diễn ra trước thời điểm thanh toán. Đây có thể là một bất lợi cho nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu chưa phải thanh toán tiền hàng nhưng đã nắm giữ được chứng từ để nhận hàng từ nhà chuyên chở nhưng sau đó cố ý chiếm dụng vốn, thanh toán chậm, thiếu, từ chối thanh toán. Ngân hàng chỉ là một tổ chức trung gian thu hộ và có thể bị nhà nhập khẩu từ chối.

Vì vậy, trong hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế cần hạn chế áp dụng phương thức này. Nếu áp dụng phương thức thanh toán này, thì chỉ nên áp dụng khi cả hai bên là đối tác tin cậy của nhau, đồng thời trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cần có các chế tài nghiêm ngặt để bảo đảm nhà nhập khẩu thanh toán. Ví dụ: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do không thanh toán, chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ; chịu lãi suất chậm trả, chịu phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán...

#### **- Phương thức nhờ thu kèm chứng từ (documentary collection)**

Nhờ thu có kèm theo chứng từ là một trong các phương thức thanh toán quốc tế được áp dụng trong hợp đồng mua bán hàng hóa ngoài nước mà trong đó nhà

xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ghi trên công cụ thanh toán với điều kiện sẽ giao chứng từ nếu nhà nhập khẩu thanh toán, chấp nhận thanh toán hoặc thực hiện các điều kiện khác đã quy định.

Trong quy trình nghiệp vụ của phương thức thanh toán này có một điểm cần lưu ý:

Nhà xuất khẩu không giao trực tiếp chứng từ cho nhà nhập khẩu. Nhà nhập khẩu phải trả tiền thì Ngân hàng mới giao chứng từ để mang chứng từ đi nhận hàng. Như vậy, phương thức này bảo vệ được lợi ích của nhà xuất khẩu, tránh được tình trạng bị nhà nhập khẩu chiếm dụng vốn, chậm thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc từ chối thanh toán.

### **3.4. Phương thức tín dụng chứng từ**

Trong các phương thức thanh toán quốc tế, thanh toán thông qua dạng thư tín dụng được sử dụng khá phổ biến. Đây là phương thức chuyển trách nhiệm thanh toán từ nhà nhập khẩu sang ngân hàng bảo đảm nhà xuất khẩu giao hàng và nhận tiền hàng an toàn, nhanh chóng, nhà nhập khẩu nhận được hóa đơn vận chuyển hàng đúng hạn. Vì vậy, ở một mức độ nhất định, L/C là phương thức thanh toán cân bằng được lợi ích của cả hai bên xuất khẩu và nhập khẩu và giải quyết được mâu thuẫn không tín nhiệm nhau của cả hai bên.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng các bên cần lưu ý các đặc điểm pháp lý sau đây của thư tín dụng để tránh áp dụng sai, gây thiệt hại cho chính bản thân mình.

- L/C là một khế ước độc lập với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (hợp đồng cơ sở) L/C được hình thành trên cơ sở hợp đồng cơ sở (hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ...) nhưng khi được phát hành nó hoàn toàn độc lập với hợp đồng cơ sở. Ngân hàng mở thư tín dụng và các ngân hàng khác tham dự vào nghiệp vụ thư tín dụng chỉ làm theo quy định của thư tín dụng.

- Thư tín dụng là một “kiểu mua bán chứng từ”. Theo Điều 5 của UPC600 thì: “Các ngân hàng giao dịch trên cơ sở các chứng từ chứ không phải bằng hàng hóa, dịch vụ hoặc các thực hiện khác mà các chứng từ có liên quan”.

Như vậy, ngân hàng có nghĩa vụ thanh toán cho nhà xuất khẩu khi họ xuất trình được các chứng từ phù hợp với các điều kiện và điều khoản quy định trong L/C. Ngân hàng không được phép lấy lý do bên mua chưa nhận hàng để từ chối thanh toán nếu chứng từ mà bên bán xuất trình phù hợp với các điều kiện và điều khoản quy định trong L/C.

## **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2**

1. Trình bày tóm tắt các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng?
2. Nêu các điều kiện về thời gian thanh toán trong thanh toán quốc tế?
3. Trình bày phương thức thanh toán chuyển tiền?
4. Trình bày phương thức thanh toán tín dụng chứng từ?

## CHƯƠNG 3: CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ CƠ BẢN

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 3

Chương 3 là chương giới thiệu các hệ thống thanh toán điện tử cơ bản hiện nay bao gồm các quy trình thanh toán và các hình thức chuyển tiền hiện đại

### ❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 3

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

- **Về kiến thức:**
  - Trình bày hệ thống thanh toán thẻ tín dụng
  - Trình bày chuyển khoản điện tử và thẻ ghi nợ trên Internet
  - Trình bày ví tiền, tiền mặt số hóa và thẻ thông minh
  - Trình bày các hệ thống thanh toán séc điện tử và các hệ thống xuất trình và thanh toán hối phiếu
- **Về kỹ năng:**
  - Nhận diện hệ thống thanh toán thẻ tín dụng
  - Thực hiện chuyển khoản điện tử và thẻ ghi nợ trên Internet
  - Nhận diện ví tiền, tiền mặt số hóa và thẻ thông minh
  - Giới thiệu các hệ thống thanh toán séc điện tử và các hệ thống xuất trình và thanh toán hối phiếu
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
  - Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
  - Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
  - Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

### PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 3

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 3 (cá nhân hoặc nhóm).
- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 3) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 3 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

### ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 3

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 3

- **Nội dung:**

- ✓ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
- ✓ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*
- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*
  - + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
  - + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
  - + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
  - + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp:**
- ✓ *Điểm kiểm tra thường xuyên: Không có*
- ✓ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 bài kiểm tra*

### ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 3

Toàn bộ các hệ thống thanh toán điện tử đều được thực hiện trên cơ sở kỹ thuật số, chúng được xây dựng và phát triển để thực hiện các thanh toán trên Internet. Về bản chất, nhiều hệ thống thanh toán điện tử là phiên bản điện tử của các hệ thống thanh toán truyền thống đang sử dụng hàng ngày như tiền mặt, séc và các loại thẻ tín dụng. Điểm khác nhau cơ bản giữa các hệ thống thanh toán điện tử so với các hệ thống thanh toán truyền thống là:

Thứ nhất, chúng được thiết kế để có thể thực thi việc mua - bán điện tử trên Internet, một hình thức mua - bán trong đó hoàn toàn không thấy xuất hiện tiền giấy và cũng không có những tấm séc với những chữ ký bằng bút; tất cả mọi thứ đều được số hóa và được ảo hóa bằng những chuỗi bite (đơn vị nhớ của máy tính).

Thứ hai, trong thanh toán truyền thống, chỉ ngân hàng mới có quyền phát hành tiền và các giấy tờ có giá trị khác; trong thanh toán điện tử thì không như vậy).

Vì vậy, trong thanh toán điện tử, khách hàng có thể lựa chọn một trong nhiều cách thức thanh toán khác nhau trên cơ sở phần mềm của các công ty và các tập đoàn tài chính. Về hình thức, cách thức thanh toán này cơ bản giống nhau, chúng chỉ khác về mặt logic, về quy trình thanh toán và một số dịch vụ đi cùng. Hiện nay, các hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử được thực hiện chủ yếu thông qua các máy tính cá nhân, trong thời gian tới thiết bị hỗ trợ cá nhân số (PDA - Personal Digital Assistant) sẽ được sử dụng rộng rãi và việc xử lý các giao dịch thanh toán sẽ thuận tiện hơn nhiều. Bên cạnh đó, nhiều công nghệ mới cũng đang được hoàn thiện và ứng dụng, nổi bật là hình thức sử dụng các loại thẻ thông minh trong thanh toán.

#### **1. Hệ thống thanh toán thẻ tín dụng**

##### **1.1. Quy trình phát hành thẻ**

Thẻ thanh toán có thể phát hành cho các tổ chức hoặc cá nhân trong xã hội. Nếu phát hành thẻ cho một tổ chức thì phải đăng ký người được quyền sử dụng thẻ, các khoản sử dụng thẻ phát sinh được thanh toán từ tài khoản của tổ chức đó. Cá nhân hay tổ chức sử dụng thẻ. Mỗi cá nhân hay tổ chức thẻ khi mở tài khoản thẻ thanh toán thì phải ký quỹ tùy từng ngân hàng và tùy từng loại thẻ. Nhìn chung, việc phát hành thẻ được thực hiện qua 4 bước như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ của khách hàng đăng ký mở thẻ thanh toán.
2. Ngân hàng kiểm tra hồ sơ khách hàng.
3. Sau khi các thông tin của khách hàng được chấp nhận, ngân hàng và khách hàng ký hợp đồng sử dụng thẻ.
4. Phát hành và giao thẻ, PIN cho khách hàng.

##### **1.2. Quy trình thanh toán thẻ**

*Bước 1: Chủ thẻ dùng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ hoặc rút tiền mặt.*

Khi nhận được thẻ từ khách hàng, Ngân hàng đại lý hoặc cơ sở chấp nhận thẻ (CSCNT) phải kiểm tra tính hợp lệ của thẻ: Logo, biểu tượng của thẻ tín dụng quốc tế, băng chữ ký, ký hiệu đặc biệt, thời hạn hiệu lực, các yếu tố in nổi trên thẻ...

Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của thẻ, CSCNT hoặc điểm ứng tiền mặt phải hoàn thành hoá đơn, đề ngày giao dịch, số tiền giao dịch, số cấp phép (nếu có), tên và số hiệu CSCNT, loại hàng hoá, dịch vụ cung ứng.

Tiếp đó, CSCNT sẽ phải yêu cầu khách hàng ký vào hoá đơn (chữ ký trên hoá đơn phải khớp đúng với chữ ký ở băng sau của thẻ).

Hoá đơn thanh toán thẻ gồm ba liên: một liên giao cho khách hàng giữ, hai liên còn lại CSCNT giữ lại.

Trong trường hợp CSCNT và chủ thẻ thoả thuận huỷ bỏ một phần hay toàn bộ giao dịch đã thực hiện, CSCNT không được hoàn lại cho chủ thẻ bằng tiền mặt mà phải thực hiện giao dịch hoàn trả. Đối với CSCNT có trang bị máy POS có hệ thống thu nhận tín hiệu điện tử EDC (Electronic Draft Capture - Máy thanh toán tự động) thì có thể điều chỉnh hay huỷ bỏ toàn bộ giao dịch trước khi truyền dữ liệu.

CSCNT phải liên hệ ngay với Ngân hàng để xin cấp phép khi:

- Số tiền giao dịch bằng hoặc lớn hơn hạn mức thanh toán.
- Có nghi ngờ thẻ giả hay chủ thẻ có vấn đề.

Chỉ sau khi được Ngân hàng phát hành hoặc Tổ chức thẻ Quốc tế cho phép giao dịch bằng cách cung cấp số cấp phép thì CSCNT mới được thực hiện giao dịch.

*Bước 2: CSCNT giao dịch với Ngân hàng*

Ở đây có sự phân biệt giữa CSCNT có sử dụng các máy POS có hệ thống thu nhận tín hiệu điện tử EDC và CSCNT không sử dụng máy này.

Đối với CSCNT có trang bị máy POS có thu nhận tín hiệu điện tử EDC: Việc đọc các dữ liệu trên thẻ và in ra hoá đơn thanh toán thẻ sẽ do máy thực hiện kể cả việc xin cấp phép. Dữ liệu về giao dịch sẽ được lưu giữ trên bộ nhớ của máy. Hàng ngày, CSCNT truyền dữ liệu thanh toán về Ngân hàng thanh toán. Còn hoá đơn thanh toán EDC sẽ được tập hợp và chuyển cho Ngân hàng thanh toán mỗi tuần.

Đối với CSCNT không trang bị máy có thiết bị thu nhận điện tử EDC: Việc đối chiếu danh sách thẻ cầm lưu hành, xin cấp phép đều do CSCNT thực hiện sau đó sẽ dùng máy cà tay để in ra hoá đơn thanh toán. Hàng ngày, CSCNT sẽ tổng hợp toàn bộ hoá đơn phát sinh, lập bảng kê hoá đơn, giữ lại một liên lưu còn một liên gửi đến Ngân hàng thanh toán cùng bảng kê sau không quá 05 ngày kể từ ngày giao dịch.

*Bước 3: Ngân hàng thanh toán cho CSCNT.*

Căn cứ vào dữ liệu EDC hoặc hoá đơn thẻ nhận được, Ngân hàng thanh toán tiến hành tạm ứng tiền cho CSCNT trên cơ sở tổng giá trị giao dịch sau khi đã trừ đi một khoản phí mà CSCNT phải thanh toán theo tỷ lệ đã quy định trên hợp đồng đại lý ký giữa Ngân hàng và CSCNT.

*Bước 4: Thanh toán với tổ chức thẻ Quốc tế và các thành viên khác.*

Cuối mỗi ngày, Ngân hàng tổng hợp toàn bộ các giao dịch phát sinh từ thẻ do Ngân hàng khác phát hành và truyền dữ liệu cho Tổ chức thẻ quốc tế và nhận dữ liệu thanh toán từ Tổ chức thẻ Quốc tế truyền về. Dữ liệu này bao gồm tất cả những khoản mà Ngân hàng thanh toán được trả, những khoản phí phải trả cho Tổ chức Thẻ Quốc tế, những giao dịch bị tra soát...

### **1.3. Các bên tham gia thanh toán thẻ**

*\* Ngân hàng phát hành (Issuing Bank)*

Ngân hàng phát hành là thành viên chính thức của các Tổ chức thẻ quốc tế, được phép phát hành thẻ. Để việc sử dụng thẻ mang lại hiệu quả kinh tế cao, Ngân hàng phát hành phải là Ngân hàng có uy tín trong nước cũng như quốc tế. Ngân hàng phát hành cũng có thể là Ngân hàng thanh toán.

*\* Cơ sở chấp nhận thẻ (Merchant)*

CSCNT là các đơn vị cung ứng hàng hoá, dịch vụ chấp nhận thanh toán bằng thẻ. CSCNT phải ký hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ với Ngân hàng thanh toán và phải có tài khoản tại đó. Nếu đủ điều kiện, CSCNT sẽ được cung cấp các máy móc, thiết bị, hoá đơn phục vụ thanh toán thẻ.

Một số điều kiện để có thể trở thành CSCNT: Là các tổ chức, công ty, cá nhân có kinh doanh hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ hợp pháp tại Việt Nam, có địa điểm kinh doanh và hoạt động kinh doanh thuận lợi, cam kết tuân thủ mọi quy định, luật lệ của Tổ chức thẻ quốc tế và Ngân hàng, không nằm trong danh sách các CSCNT có độ rủi ro cao hoặc “có vấn đề” về năng lực tài chính, khả năng trả nợ, trách nhiệm thanh toán...

*\* Ngân hàng thanh toán (Acquiring Bank)*

Ngân hàng thanh toán là thành viên chính thức hoặc liên kết của tổ chức thẻ quốc tế, hoặc những Ngân hàng được Ngân hàng phát hành uỷ quyền làm trung gian thanh toán giữa chủ thẻ và Ngân hàng phát hành. Ngân hàng thanh toán có trách nhiệm trả tiền cho các CSCNT đã cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho chủ thẻ, hoặc điём ứng tiền mặt trước khi chủ thẻ thanh toán lại cho Ngân hàng phát hành. Ngân hàng thanh toán cũng cung cấp và có trách nhiệm đối với những máy móc, thiết bị chuyên dùng và hoá đơn thanh toán cho các CSCNT.

*\* Ngân hàng đại lý (Agent Bank)*

Là tổ chức trung gian được uỷ quyền của Ngân hàng thanh toán để chấp nhận thanh toán thẻ hoặc xây dựng mạng lưới CSCNT. Ngân hàng đại lý đóng vai trò như một CSCNT

*\* Chủ thẻ (Card Holder)*

Là người được Ngân hàng phát hành cho phép sử dụng thẻ, có hợp đồng ký kết đầy đủ. Chủ thẻ là người duy nhất được quyền sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ tại CSCNT hoặc rút tiền mặt tại Ngân hàng đại lý hoặc máy ATM.

*\* Tổ chức thẻ Quốc tế - TCTQT*

Là hiệp hội các tổ chức tài chính, tín dụng tham gia phát hành và thanh toán thẻ quốc tế, hiện bao gồm: Tổ chức thẻ Visa, tổ chức thẻ Mastercard, công ty thẻ American Express, công ty thẻ JCB

## **2. Chuyển tiền điện tử và thẻ ghi nợ trên Internet**

### **2.1. Chuyển tiền điện tử**

*\* Khái niệm*

Chuyển tiền điện tử được hiểu là quá trình một khoản tiền nhất định được xử lý qua mạng máy tính từ thời điểm nhận được lệnh chuyển tiền từ bên phát lệnh (bên chuyển tiền) đến khi số tiền đó đến tài khoản của người thụ hưởng (bên nhận tiền).

Hầu hết các giao dịch thanh toán trong hệ thống ngân hàng đều là chuyển tiền điện tử. Thay vì các ngân hàng phải chuyển chứng từ bằng giấy qua đường bưu điện hay bằng phương pháp thủ công khác thì yêu cầu chuyển tiền được mã hóa vào file điện tử bằng công nghệ tin học hiện đại, nhanh chóng chuyển đến ngân hàng nơi người nhận tiền. Ngân hàng thụ hưởng nhận dữ liệu, ghi tiền vào tài khoản của người nhận hoặc thực hiện thủ tục xuất tiền mặt cho khách hàng. Cả quá trình rất nhanh, tiền vào tài khoản của khách hàng trung bình chỉ cần đến vài phút.

*\* Quy định chuyển tiền điện tử*

Chúng ta đều biết chuyển tiền điện tử là hoạt động sử dụng công nghệ tin học. Tuy nhiên, hoạt động này đều phải tuân theo quy định chung về chuyển tiền điện tử. Chúng ta cùng đi tìm qua một số quy định chung:

- Hoạt động chuyển tiền điện tử bằng VNĐ hoặc ngoại tệ giữa các ngân hàng trong cùng hệ thống ngân và chỉ tạo các giao diện cần thiết từ trung tâm thanh toán. Điều này có nghĩa là hoạt động thanh toán bù trừ tự động, giao dịch tài chính qua POS, ATM, SWIFT không áp dụng quy định này.
- Đối tượng áp dụng quy định về chuyển tiền điện tử này bao gồm các phòng giao dịch, chi nhánh, ngân hàng cùng trong hệ thống ngân hàng có đủ điều kiện kỹ thuật tiêu chuẩn được sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước. Các hoạt động chuyển tiền điện tử chặt chẽ với nghiệp vụ thanh toán và quản lý vốn, điều chuyển vốn giữa ngân hàng với từng chi nhánh.
- Trung tâm thanh toán của mỗi ngân hàng chịu trách nhiệm thực hiện nghiệp vụ nhận hạch toán và chuyển thông tin đến ngân hàng nhận, theo dõi và đảm bảo các giao dịch được thực hiện đúng, đầy đủ.

- Thời gian thực hiện chuyển tiền điện tử được hoàn tất trong một ngày làm việc kể từ khi khách hàng yêu cầu. Đối với yêu cầu chuyển tiền nhanh trong khoảng thời gian từ 1h đến 4h làm việc, khách hàng sẽ không chịu thêm khoản phí nào.
- Tùy theo từng vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao; khi tham gia nghiệp vụ, các cá nhân đều phải tuân thủ đúng quy định về chuyển tiền điện tử.

## **2.2. Thẻ ghi nợ**

Thẻ ghi nợ (tiếng Anh: debit card, còn gọi là bank card hoặc check card) là loại thẻ thanh toán bằng nhựa cung cấp cho chủ thẻ để thanh toán thay cho tiền mặt. Thẻ ghi nợ được dùng giống như thẻ tín dụng, nhưng tiền được rút trực tiếp từ tài khoản ngân hàng khi thanh toán.

Thẻ ghi nợ có giá trị theo giá trị của tài khoản thanh toán gắn liền với nó. Muốn sử dụng thẻ ghi nợ, chủ thẻ phải nạp tiền vào tài khoản thanh toán.

Không phải tài khoản thanh toán nào cũng có thẻ ghi nợ đi kèm, nếu như chủ tài khoản chỉ sử dụng tài khoản để giao dịch trên internet.

Ở nhiều quốc gia, việc sử dụng thẻ ghi nợ đã trở nên phổ biến đến mức tổng lượng thanh toán của chúng đã vượt qua hoặc thay thế hoàn toàn các ngân phiếu và, trong một số trường hợp, các giao dịch tiền mặt. Sự phát triển của thẻ ghi nợ, không giống như thẻ tín dụng và thẻ tính phí, nhìn chung là đặc thù cho từng quốc gia, dẫn đến một số hệ thống khác nhau trên thế giới, mà thường không tương thích với nhau. Kể từ giữa những năm 2000, một số sáng kiến cho phép thẻ ghi nợ được phát hành ở một quốc gia được sử dụng ở các quốc gia khác và cho phép sử dụng qua Internet và mua hàng qua điện thoại.

Không giống thẻ tín dụng và tính phí, thanh toán bằng thẻ ghi nợ được chuyển ngay từ tài khoản ngân hàng được chỉ định của chủ thẻ, thay vì chủ thẻ phải trả lại tiền sau đó.

Thẻ ghi nợ thường cho phép rút tiền mặt, đóng vai trò thẻ ATM khi rút tiền mặt. Người bán hàng cũng có thể cung cấp các tiện ích rút tiền mặt cho khách hàng, và khách hàng có thể rút tiền mặt cùng với việc mua hàng của họ.

## **2.3. Ví tiền số hóa**

### *2.3.1. Khái niệm*

Cũng giống như chiếc ví truyền thống, ví điện tử là nơi chứa tiền bạc, nhưng ở dưới dạng một ứng dụng trên điện thoại di động. Ví điện tử hiện đang trở thành xu hướng thanh toán mới, và ngày càng được áp dụng ở nhiều trang thương mại điện tử, cũng như các dịch vụ trực tuyến và ngoại tuyến.

Ví tiền số hóa (Digital Wallet) hay còn gọi là ví tiền điện tử (Electronic Wallet) là một kỹ thuật được sử dụng trong nhiều hệ thống thanh toán điện tử. Nếu như ví tiền truyền thống là vật thường được mang theo người, dùng để cất giữ tiền và những giấy tờ có giá trị như chứng minh thư, thẻ điện thoại, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, hóa đơn hoặc giấy biên nhận cũ, những tấm ảnh người thân... và nhiều thứ khác; câu hỏi đặt ra là những gì sẽ được lưu trữ trong ví tiền số hóa? Một ví tiền

số hóa được thiết kế cố gắng mô phỏng lại các chức năng của ví tiền truyền thống. Các chức năng quan trọng nhất của ví tiền số hóa đó là:

- Chứng minh tính xác thực khách hàng thông qua việc sử dụng các loại chứng nhận số hóa hoặc bằng các phương pháp mã hóa thông tin khác;
- Lưu trữ và chuyển giá trị;
- Đảm bảo an toàn cho quá trình thanh toán giữa người mua và người bán trong các giao dịch thương mại điện tử.

Ích lợi chủ yếu của ví tiền số hóa là sự tiện lợi cho khách hàng trong quá trình mua sắm trên Internet và chi phí cho các giao dịch bởi việc ghi đơn đặt hàng đã có thể được tự động giải quyết. Với ví tiền số hóa, khách hàng không cần phải điền các thông tin vào đơn đặt hàng trực tuyến như ở các hình thức thanh toán khác. Thay vào đó, họ chỉ cần nhấn "chuột" vào ví tiền số hóa của mình và phần mềm sẽ tự động điền toàn bộ các thông tin liên quan đến đặt hàng và vận chuyển. Điều này không chỉ giúp đẩy nhanh quá trình giải quyết đơn đặt hàng mà còn có khả năng giảm những rủi ro như gian lận hay đánh cắp thông tin mà hình thức thanh toán bằng thẻ tín dụng vẫn thường gặp.

Ví tiền số hóa không chỉ mang lại lợi ích cho người mua mà cho cả người bán hàng. Sử dụng ví tiền số hóa giúp người bán hàng hạ thấp các chi phí giao dịch, tạo ra các cơ hội để mở rộng hoạt động tiếp thị và quảng bá nhãn hiệu, dễ dàng duy trì được khách hàng và có cơ hội biến những người viếng thăm Website trở thành khách hàng; đồng thời giúp hạn chế một số hành vi gian lận thương mại trong thương mại điện tử. Các tổ chức tài chính trung gian, những người thiết lập ví tiền số hóa cũng thu được lợi từ các khoản phí tính cho mỗi giao dịch.

### 2.3.2. Các loại tiền trong ví tiền số hóa

Tiền trong các ví điện tử hiện nay nhìn chung được chia thành 3 loại cơ bản như sau:

#### + Tiền riêng trong ví

Tiền riêng trong ví là khoản tiền mà bạn nạp vào trong tài khoản ví điện tử của mình. Khi sử dụng ví, số dư trong ví sẽ bị trừ đi. Người dùng có thể nạp tiền vào ví từ tài khoản ngân hàng hay nạp tiền mặt từ các điểm hỗ trợ nạp tiền.

#### + Tài khoản ngân hàng

Người dùng có thể liên kết với các ngân hàng với ví điện tử. Khi sử dụng ví, số tiền sẽ được trừ trực tiếp vào tài khoản ngân hàng liên kết, và không phải nạp tiền vào ví. Hiện nay, các ví điện tử như Airpay, MoMo, TrueMoney có hỗ trợ liên kết tài khoản ngân hàng với ví.

#### + Liên kết với thẻ

Thay vì dùng thông tin thẻ ngân hàng, người dùng có thể dùng thẻ ATM nội địa hay thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ để liên kết với ví điện tử. Khi sử dụng ví, tiền sẽ được trừ trực tiếp vào thẻ. Với hình thức này, người dùng không cần chuyển tiền thủ công vào ví như trước nữa.

## **4. Tiền mặt số hóa**

### **4.1. Các đặc điểm của tiền mặt số hóa (tiền điện tử)**

Tiền điện tử là tiền đã được số hóa, tức là tiền ở dạng những bit số. Tiền điện tử chỉ được sử dụng trong môi trường điện tử phục vụ cho những thanh toán điện tử thông qua hệ thống thông tin bao gồm hệ thống mạng máy tính, Internet và các phương tiện điện tử được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của tổ chức phát hành (bên thứ 3) và được biểu hiện dưới dạng bút tệ trên tài khoản mà khách hàng (người mua) mở tại tổ chức phát hành.

Cũng như tiền giấy tiền điện tử có chức năng là phương tiện trao đổi và tích lũy giá trị. Nếu như giá trị của tiền giấy được đảm bảo bởi chính phủ phát hành thì đối với tiền điện tử, giá trị của nó được tổ chức phát hành đảm bảo bằng việc cam kết sẽ chuyển đổi tiền điện tử sang tiền giấy theo yêu cầu của người sở hữu. Tiền điện tử là vật trao đổi ngang giá trung gian hoạt động trên môi trường internet dưới những thuật toán.

Có tính thanh khoản rất cao. Nó được các quốc gia khác sử dụng nhanh chóng và thuận tiện.

Nó tuân theo những quy tắc nhất định như không phát hành với số lượng quá nhiều để tránh lạm phát xảy ra.

Hiện nay tiền điện tử đang dần được chấp nhận và được nhiều quốc gia như Liên minh Châu Âu, Đức, Nhật Bản, Thụy Sĩ... các công ty như: Dell, Microsoft, Apple... sử dụng như thanh toán hàng hóa dịch vụ và được lưu thông là một đồng tiền hợp pháp.

### **4.2. Hệ thống hoạt động của tiền mặt số hóa**

Tiền điện tử được hỗ trợ bởi toán học chứ không phải là từ những văn bản của chính phủ hay tổ chức tài chính.

Trong khi, cũng giống như tất cả các loại tiền tệ, chúng vẫn phụ thuộc vào giá trị được mà chúng được công nhận rồi, sự khan hiếm của chúng dựa trên nền tảng toán học và không thể điều chỉnh bởi bất kỳ một tổ chức hay cá nhân nào.

Chúng không bị trói buộc với sự sẵn có của hàng hoá vật chất, chẳng hạn như vàng, cũng không thể được tạo ra một cách nhân tạo bởi các chính phủ hoặc các tổ chức tài chính như đồng đô la.

Tiền điện tử sử dụng một mạng lưới phân phối để cho phép hệ thống giao dịch p2p (“peer - to - peer”: trực tiếp, ngang hàng), giao dịch ngang hàng mà không cần đến các bên thứ ba. Để đảm bảo sự an toàn, mật mã sử dụng các thuật toán toán học và một sổ cái công khai.

Để đảm bảo mọi giao dịch đều hợp pháp, phương trình toán học phức tạp được sử dụng để liên kết mỗi tài khoản với số tiền thực mà chủ tài khoản muốn chi tiêu.

Người sử dụng, thường được gọi là những thợ mỏ, dành các tài nguyên tính toán của họ để giải quyết các phương trình và thường nhận phần thưởng với một lượng nhỏ tiền điện tử.

## **5. Thẻ thông minh**

### **5.1. Khái niệm**

Thẻ thông minh là một thiết bị bao gồm một vi mạch tích hợp hoặc là một con chip vi điều khiển an toàn, thông minh và bao gồm có sẵn bộ nhớ trong để lưu thông tin, dữ liệu. Thẻ được kết nối với một đầu đọc với tiếp xúc vật lý trực tiếp hoặc không tiếp xúc với sóng Radio có tần số. Với chip vi điều khiển, thẻ thông minh có khả năng lưu trữ một lượng dữ liệu nhất định, thực hiện chức năng ngay trên thẻ (ví dụ, mã hóa và xác thực lẫn nhau) và tương tác với một đầu đọc thẻ thông minh. Công nghệ thẻ thông minh phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế (ISO/IEC 7816 và ISO /IEC 14443) và các hình thức khác dạng thẻ như đồng hồ, thẻ Sim sử dụng trong điện thoại di động GSM, và USB Token.

### **5.2. Các loại thẻ thông minh**

*\* Thẻ tiếp xúc (contact card):*

Là loại thẻ có tiếp điểm mạ vàng diện tích khoảng 1cm<sup>2</sup>, được chia thành các phần riêng biệt gồm đầu vào, ra dữ liệu, tín hiệu reset (phục hồi trạng thái ban đầu của thẻ), tín hiệu xung đồng hồ, chân điện áp.

Để đọc, ghi thông tin, bề mặt chip phải tiếp xúc trực tiếp với đầu đọc thẻ. Loại thẻ này được sử dụng nhiều trong tài chính và truyền thông (sim điện thoại) vì ưu điểm giá cả rẻ, đáp ứng nhiều tiêu chuẩn về công nghệ, độ bảo mật cao. Khi được đưa vào máy đọc, chip trên thẻ sẽ giao tiếp với các tiếp điểm điện tử cho phép đọc các thông tin từ chip và viết thông tin lên nó. Thẻ thông minh loại này không có pin, năng lượng làm việc sẽ được cấp trực tiếp từ máy đọc thẻ.

*\* Thẻ không tiếp xúc (contactless card):*

Là loại thẻ mà chip trên nó liên lạc với máy đọc thẻ thông qua công nghệ sóng vô tuyến RFID (Radio Frequency Identification) với tốc độ trao đổi dữ liệu từ 106 đến 848kbit/s, thân thẻ chứa chip và đường dây ăngten được giấu ngầm. Ăngten đi vòng quanh thẻ, nó có nhiệm vụ làm trung gian nhận/phát sóng radio giữa đầu đọc thẻ và chip trên thẻ. Trong thẻ có một cuộn cảm có khả năng dò tín hiệu vô tuyến trong một dải tần nhất định, chỉnh lưu tín hiệu và dùng nó để cung cấp năng lượng hoạt động cho chip trên thẻ, khoảng cách giao tiếp giữa đầu đọc thẻ và máy khoảng 10cm. Tốc độ xử lý của thẻ không tiếp xúc nhanh hơn so với thẻ tiếp xúc, vì vậy thẻ không tiếp xúc thường được ứng dụng tại những nơi cần phải xử lý nhanh như kiểm soát phương tiện công cộng, xe bus, thẻ ra vào...thẻ không tiếp xúc đắt hơn thẻ tiếp xúc, tuy nhiên độ bảo mật thông tin không an toàn bằng thẻ tiếp xúc.

*\* Thẻ lưỡng tính:*

Là thẻ kết hợp các đặc điểm của thẻ tiếp xúc và thẻ không tiếp xúc. Dữ liệu được truyền hoặc bằng phương pháp tiếp xúc trực tiếp thẻ với đầu đọc hoặc qua tín hiệu vô tuyến. Thẻ lưỡng tính đắt hơn rất nhiều so với 2 loại thẻ trên.

Đầu đọc thẻ thông minh: Là đầu đọc dùng cho việc giao tiếp với thẻ, dữ liệu và điện năng được truyền trực tiếp hoặc gián tiếp qua công nghệ RFID từ thẻ vào máy đọc. Đầu đọc thẻ dễ dàng tích hợp vào các hệ thống khác nhau thông qua thiết bị đầu cuối. Tùy vào công nghệ sử dụng, có 2 dạng cổng kết nối là USB và COM. Nếu sử dụng kết nối USB tốc độ truyền tín hiệu đạt 12 Mbps (High speed), điện áp cung cấp thông thường 5V (DC), 200mA.

### **5.3. Thuận lợi và rủi ro khi sử dụng thẻ thông minh**

Thẻ thông minh cho phép thực hiện các giao dịch kinh doanh một cách hiệu quả theo một cách chuẩn mực, linh hoạt và an ninh mà trong đó con người ít phải can thiệp vào.

Thẻ thông minh giúp chúng ta thực hiện việc kiểm tra và xác nhận chặt chẽ mà không phải dùng thêm các công cụ khác như mật khẩu... Chính vì thế, có thể thực hiện hệ thống dùng cho việc đăng nhập sử dụng máy tính, máy tính xách tay, dữ liệu bảo mật hoặc các môi trường kế hoạch sử dụng tài nguyên của công ty như SAP, v.v.. với thẻ thông minh là phương tiện kiểm tra và xác nhận duy nhất.

Thẻ thông minh cũng có nhược điểm. Một nhược điểm của thẻ thông minh là khả năng hư hỏng. Thẻ nhựa mà chip đặt trên nó là khá dẻo, dễ uốn, và do đó chip càng lớn thì càng dễ bị gãy. Thẻ thông minh thường được bỏ trong ví, đây là một môi trường khá khắc nghiệt đối với chip điện tử. Tuy nhiên, đối với một số hệ thống ngân hàng lớn, chi phí quản lý bảo hành thẻ có thể chấp nhận được so với chi phí giảm giả mạo và lừa đảo. Dùng thẻ thông minh cho giao thông công cộng cũng có một chút rủi ro về quyền tự do cá nhân, bởi vì với hệ thống như vậy thì người quản lý giao thông có thể dò theo hành trình của cá nhân.

Thẻ thông minh dùng để xác nhận khách hàng là một trong những cách an ninh nhất, có thể dùng trong những ứng dụng như giao dịch ngân hàng qua internet, nhưng mức độ an ninh không thể đảm bảo 100%. Trong trường hợp giao dịch ngân hàng qua internet, nếu máy tính cá nhân bị nhiễm bởi các phần mềm xấu, mô hình an ninh sẽ bị phá vỡ. Phần mềm xấu có thể viết đè lên thông tin (cả thông tin đầu vào từ bàn phím và thông tin đầu ra màn hình) giữa khách hàng và ngân hàng. Nó có thể sẽ sửa đổi giao dịch mà khách hàng không biết. Có những phần mềm xấu như vậy, chẳng hạn như Trojan. Silentbanker). Các ngân hàng như Fortis Dexia ở Bỉ dùng một thẻ thông minh chung với một máy đọc thẻ không nối mạng nhằm giải quyết vấn đề trên. Khách hàng nhập một thông tin đánh giá từ trang web của ngân hàng, PIN của họ, và tổng số tiền giao dịch vào một máy đọc thẻ, máy đọc thẻ sẽ trả lại một chữ ký 8 chữ số. Chữ ký

này sẽ được khách hàng nhập bằng tay vào máy tính cá nhân và được kiểm chứng bởi ngân hàng.

## **6. Các hệ thống thanh toán séc điện tử**

Séc điện tử thực chất là một loại “séc ảo”, nó cho phép người mua thanh toán bằng séc qua mạng Internet. Người mua sẽ điền vào form (nó giống như một quyển séc được hiển thị trên màn hình) các thông tin về ngân hàng của họ, ngày giao dịch và trị giá của giao dịch, sau đó nhấn nút “send” để gửi đi. Tất cả những thông tin đó hoặc sẽ được chuyển đến máy tính của bạn hoặc được chuyển tới một trung tâm giao dịch, điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào sự lựa chọn của bạn.

Để chấp nhận thanh toán bằng “séc điện tử” có hai cách:

- *Phương pháp “Print & Pay”:*

“Print & Pay” có nghĩa là “in và thanh toán”. Sở dĩ phương pháp này được gọi là “in và thanh toán” bởi vì người dùng cần phải mua một phần mềm cho phép in những tấm séc ra và chuyển séc đó đến ngân hàng nơi mở tài khoản để nhận tiền.

Quá trình xử lý séc trực tuyến cũng giống như séc thông thường, chính vì vậy người dùng cần phải đợi đến khi séc được chuyển đến ngân hàng và phải được chứng nhận chắc chắn rằng những tấm séc đó có giá trị.

Việc áp dụng phương pháp này sẽ giúp giảm được tiền phí giao dịch nhưng nó lại tốn kém về mặt nhân công và thời gian.

- *Trung tâm giao dịch:*

Đối với người mua, việc sử dụng trung tâm giao dịch cũng giống như việc áp dụng phương pháp “print and pay”, bởi vì trong cả hai phương pháp, họ đều phải nhập tất cả các thông tin trên séc vào form trực tuyến. Những thông tin đó sẽ được mã hoá và chuyển trực tiếp tới ngân hàng và sẽ được xử lý trong vòng 48 giờ.

Sau đó, toàn bộ số tiền của giao dịch sẽ được chuyển từ tài khoản của người mua sang tài khoản của người bán. Kèm theo đó, là một “báo có” trực tuyến vào tài khoản của người bán và một “báo nợ” được gửi bằng email cho người mua.

Phương pháp này tất yếu sẽ nhanh hơn phương pháp “print & pay” bởi vì tất cả các thông tin cần thiết của khách hàng sẽ được nhập trực tiếp trên mạng ngay khi giao dịch đang được thực hiện, và những tấm séc đó luôn được đảm bảo có giá trị.

## **7. Các hệ thống xuất trình và thanh toán hồi phiếu điện tử**

Hồi phiếu là chứng chỉ có giá do người ký phát lập, yêu cầu người bị ký phát thanh toán không điều kiện một số xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời gian nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng

Quy trình thanh toán bằng hồi phiếu điện tử:

- (1) Khách hàng truy cập vào các trang web của nhà cung cấp dịch vụ thanh toán hối phiếu hoặc trang web của người lập hối phiếu xem thông tin.
- (2) Khách hàng lấy các thông tin về hối phiếu khách hàng phải thanh toán về máy tính của mình
- (3) Khách hàng kiểm tra thông tin và thực hiện xác thực việc thanh toán với người lập hối phiếu
- (4) Người lập hối phiếu yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ thanh toán của mình ghi nợ vào tài khoản của khách hàng
- (5) Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán hối phiếu yêu cầu ngân hàng của khách hàng ghi nợ tài khoản của khách hàng và chuyển tiền để ngân hàng của người lập hối phiếu ghi có vào tài khoản của người lập hối phiếu.

### **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 3**

1. Trình bày quá trình hình thành và phát triển của thanh toán điện tử từ các hoạt động thanh toán truyền thống?
2. Trình bày những hiểu biết của mình về các giao dịch thanh toán điện tử?
3. Nêu các hệ thống thanh toán điện tử cơ bản?

**PHẦN PHỤ LỤC**  
**PHỤ LỤC 1: KÝ HIỆU MỘT SỐ ĐỒNG TIỀN CÁC NƯỚC TRÊN THẾ**  
**GIỚI**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Nước</b>	<b>Tên đồng tiền</b>
AFA	Afghanistan	Afthani
ALL	Albania	Lek
AOR	Angola	Kwanza Reajustado
XCD	Anguilla	East Carib dollar
ARS	Argentina	Peso
AMD	Armenia	Dram
AWG	Aruba	Florin
ATS	Austria	Schilling
AUD	Australia	Dollar
AZM	Azerbaijan	Manat
BHD	Bahrain	Dinar
BDT	Bangladesh	Taka
BBD	Barbados	Dollar
BYB	Balarus	Rubel
BEF	Belgium	Franc
BZD	Belize	Dollar
XOF	Benin	CFA franc West
BMD	Bermuda	Dollar
BTN	Bhutan	Ngultrum
BOB	Bolivia	Boliviano
BAD	Bosnia-Herzegovia	K.Marka
BWP	Botswana	Pula
BRL	Brazil	Real
BGL	Bulgaria	Lev
BIF	Burundi	Franc
BND	Brunei	Dollar
CAD	Canada	Dollar
CVE	Cape Verde	Escudor
CHF	Switzerland	Franc Thụy sỹ
CLP	Chile	Peso
CNY	China People Republic	Yuan
COP	Côlômbia	Peso Côlôbia
CZK	Czech Republic	Kurona
CUP	Cuba	Peso

DKK	Denmark	Krona
DOP	Dominican Republic	Peso
ESC	Ecuador	Sucre
EGP	Egypt	Pound
GBP	England	Sterling Pound
ETB	Ethiopia	Birr
EUR	Euro	Euro
FRF	France	Franc
GHC	Ghana	Cedi
GNF	Guinea	Franc
GRD	Greece	Drachma
HKD	Hong Kong	Dollar
HTG	Haiti	Gourde
HUF	Hungary	Forint
IEP	Iceland	Krona
INR	India	Rupee
IDR	Indonesia	Rupiah
ILS	Israel	Sheqel
IQD	Iraq	Dinar
IRR	Iran	Rial
ITL	Italy	Lira
JMD	Jamaca	Dollar
JOD	Jordan	Dinar
JPY	Japan	Yen
KPW	Korea PDR	Won
KRW	Korea Republic	Won
KWD	Kuwait	Dinar
LAK	Lao	Kip
MOP	Macao	Pataca
MYR	Malaysia	Ringgit
MNT	Mongolia	Tugrik
MAD	Morocco	Dirham
MMK	Myanmar	Kyat
NPR	Nepal	Rupee
NLG	Netherland	Gulden
NZD	New Zealand	Dollar
NGN	Nigeria	Naira
NIC	Nicaragua	Corboda
NOK	Norway	Krone

ROL	Rumania	Leu
RUR	Russia	Ruble
TWD	Taiwan	Dollar
THB	Thailand	Bath
TRL	Turkey	Lira
USD	U.S.A	Dollar
VND	Vietnam	Dong
YER	Yemen	Rial